

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2997/BTP-VP

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2019

V/v gửi Bản tổng hợp tiếp nhận và trả lời
kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở tổng hợp kiến nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp tại Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2019, Hội nghị giao ban công tác tư pháp khu vực phía Nam, Bộ Tư pháp đã hoàn thiện Bản tổng hợp tiếp nhận và trả lời các kiến nghị nói trên và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp/Mục chỉ đạo điều hành.

Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc nghiên cứu và tiếp thu những giải đáp của Bộ Tư pháp để thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời gian tới.

Bộ Tư pháp xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP (TH&KSTTHC).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG


Nguyễn Quốc Hoàn

**BẢN TỔNG HỢP TIẾP NHẬN VÀ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO,
ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TƯ PHÁP TỪ ĐẦU NĂM 2019 ĐẾN NAY**

Từ đầu năm 2019 đến nay, qua Báo cáo sơ kết công tác của các Bộ, ngành, địa phương, tại Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2019, Hội nghị giao ban công tác tư pháp khu vực phía Nam, Bộ Tư pháp tổng hợp các kiến nghị và nội dung trả lời như sau:

I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các nội dung về công tác soạn thảo, thẩm định văn bản QPPL; kỹ năng xây dựng chính sách, phân tích chính sách; báo cáo đánh giá tác động chính sách; nghiệp vụ thẩm định, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật tại các địa phương (UBND các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang)

Trả lời:

Sau khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, Bộ Tư pháp đã triển khai tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các nội dung về công tác soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; kỹ năng xây dựng chính sách, phân tích chính sách; báo cáo đánh giá tác động chính sách cho cán bộ pháp chế và cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương.

Riêng đối với các nội dung liên quan đến quy trình xây dựng, phân tích, đánh giá tác động và thông qua chính sách, từ thời điểm Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2016) đến hết năm

2018, Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức 07 lớp tập huấn, tọa đàm về các nội dung có liên quan đến quy trình chính sách¹.

Trong năm 2019, Bộ Tư pháp xây dựng kế hoạch để tổ chức 03 tọa đàm về các nội dung có liên quan như: trao đổi, giải đáp vướng mắc về lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trao đổi, giải đáp vướng mắc về lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 34/2016/NĐ-CP; các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá tác động của chính sách cho các Bộ, ngành.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch để tổ chức các lớp tập huấn liên quan đến công tác xây dựng pháp luật, nhất là sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được thông qua, nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ lập đề nghị xây dựng văn bản cho các cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật của các Bộ, ngành, địa phương.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu, sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong đó bổ sung quy định chi tiết về ban hành văn bản quy phạm theo trình tự rút gọn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc ban hành văn bản trái pháp luật, gây hậu quả và rút ngắn thời gian công khai lấy ý kiến đối với văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương (UBND tỉnh Đồng Nai, Long An)

Trả lời:

Tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV đã thông qua *Nghị quyết số 57/2018/QH14 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018*, theo đó, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Luật năm 2015) sẽ trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019) và trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 6/2020).

¹ Các lớp tập huấn, tọa đàm về các nội dung có liên quan đến quy trình chính sách do Vụ VĐCXDPL chủ trì tổ chức cụ thể là:

Năm 2016: - Lớp tập huấn chuyên sâu về quy trình xây dựng, phân tích, đánh giá chính sách và thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ pháp chế và cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật của các cơ quan Trung ương; 03 lớp tập huấn chuyên sâu về quy trình xây dựng, phân tích, đánh giá chính sách và thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật của các cơ quan thuộc HĐND, UBND, các Sở Tư pháp, Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tại các địa phương ở khu vực 3 miền bắc, trung, nam.

Năm 2017: Tọa đàm trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng nội dung chính sách và đánh giá tác động chính sách; Tọa đàm về các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Hà Nội.

Năm 2018: Tọa đàm trao đổi, giải đáp vướng mắc về xây dựng, phân tích, đánh giá tác động, thẩm định và thông qua chính sách.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành nghiên cứu, soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật năm 2015 và sẽ trình Chính phủ trong tháng 7/2019. Trong đó, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu theo hướng bổ sung một số trường hợp được xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để phù hợp hơn với thực tiễn thi hành. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu để có quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc ban hành văn bản trái pháp luật, gây hậu quả; nghiên cứu để rút ngắn thời gian công khai lấy ý kiến đối với văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

3. Việc áp dụng quy định “Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực” còn khó khăn, vướng mắc. Thực tế thời gian qua các cơ quan Trung ương (như Chính phủ, các Bộ) ban hành văn bản hướng dẫn thường rất chậm, không đảm bảo quy định nói trên hoặc sát thời điểm văn bản luật có hiệu lực mới ban hành văn bản quy định chi tiết (trong khi đó lại có nội dung giao tiếp về cho HĐND, UBND tỉnh quy định hướng dẫn làm cho địa phương lúng túng trong ban hành văn bản). Nếu áp dụng đúng như quy định nói trên thì thường xuyên có tình trạng có những khoảng thời gian không có văn bản để quản lý. Đề xuất sửa đổi quy định này cho phù hợp (áp dụng như quy định cũ tại Điều 81 Luật năm 2008), để một văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực cần phải có quy định rõ ràng, cụ thể (bị thay thế, sửa đổi, bổ sung hay bãi bỏ bằng một văn bản khác).

Một số văn bản dưới luật giao hoặc qua thực tế tại địa phương phát sinh một số nội dung cần quy định thủ tục hành chính để triển khai thực hiện các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Trong trường hợp này nếu địa phương không quy định thủ tục để tổ chức, cá nhân nhận được mức hỗ trợ sẽ dẫn đến việc tùy tiện trong thực hiện, không đảm bảo tính công khai, minh bạch; đồng thời có một số cơ quan tự quy định về mẫu đơn, tờ khai và trình tự thủ tục để hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện gây khó khăn, phiền hà cho các tổ chức, cá nhân. Còn nếu quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh thì lại trái Luật (chỉ cho phép quy định trong trường hợp được luật giao). Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng mở rộng thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính về cho địa phương (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

- Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết, qua đó từng bước khắc phục tình trạng “nợ, đọng” ban hành văn bản quy định chi tiết, thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Luật năm 2015) bổ sung quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*”.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những vấn đề mà địa phương đã nêu, để có giải pháp cho vấn đề này, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn, giải đáp trực tiếp tại các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu và tại các buổi kiểm tra về tình hình thi hành Luật năm 2015, nhằm có cách hiểu thống nhất quy định tại khoản 4 Điều 154. Theo đó: Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng có các quy định bảo đảm cách hiểu thống nhất khoản 4 Điều 154, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về việc xác định văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực: đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 11 của Luật năm 2015. Đồng thời, khoản 2 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã hướng dẫn chi tiết việc xác định các trường hợp văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực.

Thứ hai, về trách nhiệm lập, công bố danh mục các văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực: khoản 3, 4 và 5 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo VBQPPL hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154, cơ quan ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập, công bố danh mục văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực.

Vì vậy, những khó khăn, vướng mắc trong thực thi quy định tại khoản 4 Điều 154 không hoàn toàn là do quy định của Luật và Nghị định mà còn xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác. Do vậy, Bộ Tư pháp thấy rằng cần có thêm thời gian để các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các quy định này. Cùng với đó, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương liên quan đến quy định tại khoản 4 Điều

154 của Luật nhằm đánh giá đầy đủ, nghiên cứu thấu đáo cả về lý luận và thực tiễn trước khi đề xuất việc sửa đổi, bổ sung quy định này.

Trong thời gian tới, để khắc phục triệt để những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 154 nêu trên, Lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm và có hiệu quả các quy định của Luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP liên quan đến trách nhiệm soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết, trách nhiệm rà soát, lập, công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực.

- Về vấn đề một số văn bản dưới luật giao hoặc qua thực tế tại địa phương phát sinh một số nội dung cần quy định TTHC để triển khai thực hiện các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của địa phương:

Khoản 4 Điều 14 Luật năm 2015 nghiêm cấm quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, trừ trường hợp được giao trong luật. Đối với vấn đề nêu trên, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 4218/BTP-VĐCXDPL ngày 28/11/2016 về việc trả lời về một số quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Trong đó đã hướng dẫn các trường hợp được quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Theo đó, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương chỉ được quy định thủ tục hành chính, khi được giao trong luật, không phải được giao trong các văn bản dưới luật và phải được giao một cách trực tiếp trong luật, không phải suy luận từ chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan. Ngoài ra, một số luật được ban hành trước ngày Luật năm 2015 có hiệu lực giao quy định chi tiết thi hành một hoặc một số nội dung cụ thể, mà không trực tiếp giao quy định thủ tục hành chính, trong khi đó, để thực hiện nhiệm vụ được giao, cần phải quy định thủ tục hành chính. Do vậy, để thực hiện nhiệm vụ đã được giao trong các luật ban hành trước ngày 01/7/2016, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của địa phương thì địa phương có thể quy định thủ tục hành chính trong trường hợp luật giao quy định chi tiết nội dung cụ thể của luật mà phát sinh thủ tục hành chính.

Hiện nay, Bộ Tư pháp giúp Chính phủ xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến hướng sửa đổi, bổ sung 02 điều (Điều 14 và Điều 172) của Luật năm 2015, cụ thể là:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 (Các hành vi bị nghiêm cấm), theo đó bổ sung trường hợp ngoại lệ cho phép địa phương được quy định thủ tục hành

chính trong trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 172 (Hiệu lực thi hành) để quy định về sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục hành chính đã ban hành trước ngày Luật năm 2015 có hiệu lực theo hướng cho phép sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 với điều kiện không được làm phát sinh thủ tục hành chính mới hoặc quy định thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện, tăng thời gian giải quyết thủ tục hành chính đang áp dụng.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu ban hành các văn bản quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác pháp chế, cán bộ làm công tác quản lý pháp chế; cụ thể hóa các nội dung liên quan đến tổ chức, nhân sự của công tác pháp chế theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (UBND các tỉnh Hà Giang, Đồng Tháp, Long An)

Trả lời:

Có thể nói, cán bộ làm công tác pháp chế ngày càng được giao nhiều nhiệm vụ quan trọng, khó khăn, phức tạp; chế độ chính sách cho đội ngũ này đã được quy định tại *Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế* nhưng đến nay chưa có văn bản hướng dẫn để thực hiện, mặc dù, Bộ Tư pháp đã cố gắng tham mưu áp dụng. Lý do, ngày 27/5/2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Kết luận số 63-KL/TW về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020, để thực hiện Kết luận này, Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu về chế độ phụ cấp, trong đó có chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề² sẽ được xử lý trong Đề án cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp.

² Ngay sau khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thi hành (Quyết định số 1477/QĐ-BTP ngày 23/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), theo đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp theo nghề đối với người làm công tác pháp chế. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số các Bộ, ngành, ngày 06/12/2011, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế (Tờ trình số 42/TTr-BTP).

Về việc cụ thể hóa các nội dung liên quan đến tổ chức, nhân sự của công tác pháp chế theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP:

Hiện nay, Chính phủ đang xem xét đề ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan đến cơ cấu tổ chức trong đó có Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngay sau khi Chính phủ thông qua Nghị định nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP để phù hợp với tình hình thực tế của Bộ, ngành và địa phương.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức đánh giá mô hình pháp chế tại các sở ngành tỉnh để tham mưu điều chỉnh Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ cho phù hợp (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Sau hơn 8 năm thực hiện, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Điều này gây khó khăn, vướng mắc cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện công tác pháp chế, trong đó có vấn đề về tổ chức và mô hình tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, để có cơ sở cho việc, kiến nghị với cấp có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều hoạt động để khảo sát, đánh giá về tình hình thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ như: tổ chức các Đoàn công tác liên ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ) hoặc các Đoàn công tác do Bộ Tư pháp tổ chức đi khảo sát tại một số địa phương như: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; Bình Dương; Đồng Nai; Cần Thơ...; tổ chức các Hội nghị đối thoại về công tác pháp chế tại 2 miền Nam, Bắc, nhiều hội thảo, tọa đàm... để đánh giá về mô hình tổ chức pháp chế tại các Bộ, ngành, địa phương. Thông qua các hoạt động này, Bộ đã thu nhận được nhiều ý kiến liên quan đến mô hình tổ chức pháp chế, qua đó, có cơ sở để tổng hợp, nghiên cứu và đề xuất với cấp có thẩm quyền về mô hình tổ chức pháp chế trong việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

6. Do đặc thù của công tác pháp chế là khối lượng công việc lớn, tính chất đa dạng, phức tạp, nhiều công việc đột xuất, đòi hỏi có đủ số lượng công chức có

trình độ, năng lực, do đó đề nghị Bộ Tư pháp có giải pháp kiến nghị với cấp có thẩm quyền để tăng cường nguồn lực và ngân sách cho công tác pháp chế (Thanh tra Chính phủ, Bộ Thông tin & Truyền thông, Ủy ban Dân tộc)

Trả lời:

Trong thời gian qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ người làm công tác pháp chế luôn được Bộ Tư pháp xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương. Từ đó, Bộ Tư pháp đã tổ chức rất nhiều đợt tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho người làm công tác pháp chế; thường xuyên đổi mới về nội dung, phương pháp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu với nhiều hình thức; biên soạn nhiều tài liệu, cuốn sổ tay, cẩm nang về nghiệp vụ công tác pháp chế cho đội ngũ người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế Bộ, ngành, địa phương; tham mưu để có giải pháp bố trí ngân sách dành cho công tác pháp chế; đồng thời đề nghị lãnh đạo các Bộ, ngành quan tâm, tạo điều kiện dành các nguồn lực cần thiết cho công tác pháp chế.

II. LĨNH VỰC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỢP NHẤT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, PHÁP ĐIỂN HỆ THỐNG QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại các Sở, ban, ngành (UBND tỉnh Hà Giang, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc Phòng, Thanh tra Chính phủ, Bộ Thông tin & Truyền thông, Ủy ban Dân tộc)

Trả lời:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) luôn chú trọng tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản thông qua việc bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL do Bộ Tư pháp tổ chức hàng năm. Bộ cũng chú trọng lồng ghép nội dung tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản tại các Hội nghị, hội thảo,

tọa đàm liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL³, Ngoài ra, Bộ Tư pháp luôn quan tâm hỗ trợ báo cáo viên tham dự, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại các hội nghị tập huấn do các Bộ, ngành, địa phương tổ chức⁴.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức tập huấn nghiệp vụ về kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL cho đội ngũ công chức làm công tác này tại các Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, Bộ cũng đề nghị các Bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức các lớp tập huấn tại Bộ, ngành, địa phương mình; Bộ Tư pháp sẽ hỗ trợ báo cáo viên tham gia tập huấn theo đề nghị của Bộ, ngành, địa phương.

2. Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan phối hợp ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, theo đó cần quy định cụ thể mức phí phù hợp để địa phương dễ thực hiện (STP Bình Dương, Hậu Giang)

Trả lời:

Ngày 30/01/2018, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 351/BTP-KTrVB gửi Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011.

Tuy nhiên, ngày 21/5/2018 Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức và viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và người lao động, nêu rõ: “*Bãi bỏ các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước như: Tiền bồi dưỡng hợp; tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án; hội thảo...*” (khoản 4 mục III); *Từ năm 2021, áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn bộ hệ thống chính trị*” (khoản 2.2 mục II).

³ Trong năm 2018, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đã tổ chức các hội thảo: Hội thảo kiểm tra văn bản theo các nguồn thông tin, thực trạng và giải pháp; Hội thảo về khảo sát, kiểm tra tình hình thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Hội thảo về công tác kiểm tra văn bản QPPL trong lĩnh vực tài nguyên môi trường; Hội thảo góp ý hoàn thiện kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2014-2018 của Bộ Tư pháp... Các hội thảo này đều có thành phần là đại diện tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và Sở Tư pháp một số địa phương.

⁴ Năm 2018, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đã cử công chức lãnh đạo đến tập huấn tại các địa phương: Lạng Sơn, Bắc Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Ninh, Hà Nội, Lào Cai, Điện Biên.

Ngày 16/8/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trong đó giao Bộ Tài chính “*trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập theo các nội dung nêu tại tiết đ điếm 3.1 khoản 3 mục II và các giải pháp tài chính nêu tại khoản 4 mục III của Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa XII, hoàn thành trong quý IV năm 2018*”. Trong bối cảnh đó, việc sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP để thực hiện trong khoảng thời gian ngắn (2019 - 2020) là khó khả thi. Vì vậy, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 4002/BTP-KTrVB ngày 18/10/2018 gửi Bộ Tài chính đề nghị tạm dừng việc sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp tích cực có giải pháp cải thiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ ngành, nhất là việc xây dựng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành (như: xử lý vi phạm hành chính; hợp đồng, giao dịch công chứng, chứng thực;..) - (UBND tỉnh An Giang)*

Đề nghị Bộ Tư pháp đẩy nhanh việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính (theo Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính) để áp dụng trên phạm vi toàn quốc làm cơ sở cho việc áp dụng mức xử lý, hình thức xử lý của người có thẩm quyền khi xử lý hành vi vi phạm (UBND các tỉnh Cao Bằng, Hà Tĩnh, Hải Dương, Bến Tre)

Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có văn bản hướng dẫn xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương để áp dụng cho các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 (UBND tỉnh Kiên Giang)

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ

tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. Sau khi dự án được phê duyệt, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để có hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện thống nhất việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương.

2. Đề nghị hoàn thiện thể chế về theo dõi thi hành pháp luật phù hợp với thực tiễn thi hành (UBND các tỉnh Cao Bằng, Hà Tĩnh)

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành nghiên cứu, xây dựng *Nghị định sửa đổi Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật*, dự kiến trình Chính phủ vào tháng 9/2019.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đang tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoàn thiện thể chế về công tác tổ chức thi hành pháp luật được Thủ tướng Chính phủ giao tại *Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 - 2022 (ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018)* như: Nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật về tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cơ quan, tổ chức và cá nhân về tình hình thi hành pháp luật; Thông tư hướng dẫn tiêu chí theo dõi đánh giá tình hình thi hành pháp luật...

3. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính sớm ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn các cơ chế tài chính phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính để các cấp, các ngành có đủ điều kiện đảm bảo cho công tác này ở các địa phương (UBND tỉnh Hà Giang)

Trả lời:

Ngày 28/02/2017, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 19/2017/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang nghiên cứu, áp dụng các quy định của Thông tư nêu trên.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác Tư pháp, đặc biệt là một số lĩnh vực có khó khăn, vướng mắc về thể chế, phương thức triển khai thực hiện như: công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính (UBND Tp Hà Nội)

Trả lời:

Từ năm 2014 đến nay, Bộ Tư pháp đã tổ chức 06 hội nghị tập huấn về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (05 hội nghị tập huấn chuyên sâu về xử lý vi phạm hành chính; 01 hội nghị tập huấn chuyên sâu về theo dõi thi hành pháp luật) trong đó có đại biểu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trong năm 2019, Bộ Tư pháp dự kiến tổ chức 01 hội nghị tập huấn chuyên sâu về theo dõi thi hành pháp luật và 01 lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng xử phạt vi phạm hành chính và dự kiến cũng sẽ mời các đại biểu đang công tác trong các lĩnh vực có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội tham dự hội nghị. Đồng thời, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, đề nghị địa phương quan tâm, bố trí cử cán bộ tham gia hội nghị tập huấn khi có yêu cầu.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp cung cấp và thống nhất về phần mềm nhập liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; hướng dẫn thống nhất quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (UBND tỉnh Trà Vinh)

Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, công chức thuộc cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP về kỹ năng cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và Khoản 6, Khoản 7 Điều 2 Nghị định này về kỹ năng khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (UBND tỉnh Trà Vinh).

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 quy định về xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, tuy nhiên đến nay chưa có phần mềm chung để thực hiện việc xây dựng, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính (UBND tỉnh Đồng Tháp)

Trả lời:

- Thứ nhất, về tình hình xây dựng Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Hiện nay, Bộ Tư pháp (Cục Quản lý XLVPHC&TDTHPL) đang tiếp tục phối hợp với các chuyên gia công nghệ thông tin nghiên cứu, chỉnh lý, hoàn thiện Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (làm rõ phần nội dung về kinh phí thực hiện của Dự án).

- Thứ hai, về cơ sở pháp lý, ngày 30/12/2016, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 13/2016/TT-BTP quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập

nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, theo đó, quy trình đã được quy định đầy đủ, thống nhất tại Thông tư số 13/2016/TT-BTP nêu trên.

Tuy nhiên, do Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đang trong quá trình xây dựng nên hạ tầng kỹ thuật và phần mềm chưa chính thức được triển khai. Vì vậy, trong thời gian tới, sau khi Dự án được phê duyệt, Bộ Tư pháp sẽ triển khai việc cung cấp phần mềm cũng như hướng dẫn, tập huấn cho các đối tượng có liên quan các kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Về chế độ báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật và báo cáo công tác thi hành pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính: theo hướng dẫn của Cục Quản lý Xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật tại Công văn số 251/QLXLVPHC&TDTHPL-CSDL ngày 09/5/2019 thì thời gian thực hiện báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật và báo cáo công tác thi hành pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018. Tuy nhiên, theo quy định tại Bảng hướng dẫn chấm điểm thi đua, thang điểm đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019 kèm theo Quyết định 1023/QĐ-BTP ngày 26/4/2019 của Bộ Tư pháp thì thời hạn báo cáo được thực hiện theo thời hạn báo cáo quy định tại Nghị định 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP. Điều này gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện công tác báo cáo định kỳ. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thống nhất về thời hạn báo cáo để địa phương có cơ sở thực hiện (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính & Theo dõi thi hành pháp luật rà soát, phối hợp Vụ Thi đua - Khen thưởng trong quá trình chấm điểm thi đua, đánh giá xếp hạng các Sở Tư pháp để bảo đảm sự thống nhất.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên sâu theo chuyên ngành công tác, lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên biệt nhằm nâng cao kỹ năng xác định hành vi vi phạm hành chính và lập biên bản vi phạm hành chính; nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử phạt và kỹ năng xác định thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; kỹ năng soạn thảo ban hành quyết định xử

phạt vi phạm hành chính; kỹ năng áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính (UBND tỉnh Kiên Giang)

Trả lời:

Trong những năm vừa qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức và mời các đại biểu có liên quan trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tham dự 03 hội nghị tập huấn chuyên sâu về pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Trong năm 2019, Bộ Tư pháp dự kiến sẽ tổ chức 01 lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng xử phạt vi phạm hành chính tại khu vực phía Nam trong đó có mời các đại biểu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tham dự. Do đó, đề nghị địa phương quan tâm cử công chức tham dự Hội nghị khi được yêu cầu.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ trình Quốc hội bổ sung đối tượng vi phạm “hộ gia đình” vào Luật Xử lý vi phạm hành chính (UBND tỉnh Kiên Giang)

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính bao gồm cá nhân và tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính được hướng dẫn cụ thể tại Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Căn cứ các quy định này, tại các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, Chính phủ sẽ quy định từng đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính cụ thể. Theo đó, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với “hộ gia đình” như đối với cá nhân, hay đối với tổ chức sẽ được quy định cụ thể tại các Nghị định này. Ví dụ: Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định “hộ gia đình” là đối tượng bị xử phạt hành chính như đối với cá nhân.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm đẩy mạnh công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác cắt giảm, nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật cho cán bộ, công chức cho địa phương, nắm rõ chức năng, nhiệm vụ và cách thức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả đối với công tác này; Phối hợp với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt nam và các đơn vị có liên quan cập nhật, cung cấp cho các địa phương thực trạng, tình hình xếp hạng (chỉ số B1) của từng địa phương để các địa phương nắm rõ thực trạng (điểm mạnh, điểm yếu) trong lĩnh vực này, từ đó có giải pháp triển khai thực hiện (UBND tỉnh Đồng Tháp, STP Bình Dương)

Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu làm rõ các yếu tố, tiêu chí liên quan đến “chi phí tuân thủ pháp luật”; đồng thời nên có sự tập trung khoanh vùng trong thực hiện hiện công tác này để đảm bảo nguồn nhân lực và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (STP Bình Dương)

Cần đẩy mạnh công tác truyền thông về cắt giảm, nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật để cán bộ, công chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân hiểu rõ, hưởng ứng và phối hợp thực hiện cho đồng bộ (STP Bình Dương)

Về xếp hạng chỉ số B1, kiến nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam và các đơn vị có liên quan cập nhật, cung cấp cho các địa phương thực trạng, tình hình xếp hạng của từng địa phương để các địa phương nắm rõ thực trạng (điểm mạnh, điểm yếu...) trong lĩnh vực này, từ đó có giải pháp triển khai phù hợp (STP Bình Dương)

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của các địa phương. Đây là nhiệm vụ mới và khó đối với ngành Tư pháp, vì vậy, thời gian qua Bộ Tư pháp đã tích cực, chủ động nghiên cứu, xây dựng Tài liệu hướng dẫn bước đầu các Bộ, cơ quan, địa phương về nâng xếp hạng chỉ số B1 năm 2019 (Công văn số 1083/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 29/3/2019). Ngày 17/5/2019, Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Công văn đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (Công văn số 1777/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL). Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, phương pháp thực hiện cho đội ngũ cán bộ công chức thực thi nhiệm vụ này của các bộ, ngành và địa phương để góp phần nâng xếp hạng chỉ số B1 như mục tiêu đã đề ra.

10. Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về TDTHPL theo hướng:

+ Quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong hoạt động TDTHPL;

+ Quy định cụ thể các bước tiến hành hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát, xử lý kết quả TDTHPL;

+ Quy định cơ chế cộng tác viên trong hoạt động điều tra, khảo sát; giá trị pháp lý của kết luận kiểm tra, xử lý kết quả TDTHPL;

+ Quy định cơ chế phối hợp liên ngành trong TDTHPL, tạo cơ sở pháp lý cho các chủ thể TDTHPL thực hiện thống nhất, hiệu quả (STP Đồng Nai, UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của các địa phương. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương để hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Theo Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2019, dự thảo Nghị định sẽ trình Chính phủ xem xét ban hành vào tháng 9/2019.

11. Hạn chế, bất cập trong quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính:

- Việc không được tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước gây nhiều khó khăn cho cơ quan chức năng như không có cơ sở xác định các thông tin về đối tượng vi phạm,....

- Thẩm quyền xử phạt của các chức danh như Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc công an cấp tỉnh còn thấp làm tăng khối lượng công việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị chỉ có tối đa 48 giờ gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt trong trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá.

- Quy định về hoãn, giảm, miễn tiền phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân, không áp dụng cho tổ chức; điều kiện để được nộp tiền phạt nhiều lần là bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 200.000.000 đồng đối với tổ chức,...

- Các biện pháp cưỡng chế chưa phù hợp, chưa đầy đủ nên hiệu quả không cao, không khả thi.

- Quy định lĩnh vực mà cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính của Luật XLVPHC chưa phù hợp thực tiễn,...

- Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính còn khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu là các địa phương còn lúng túng khi thực hiện các quy định của pháp luật,

do các quy định chưa cụ thể, thủ tục áp dụng phức tạp, như xác định nơi cư trú, xác định tình trạng nghiên, việc phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát và Phòng Lao động - Thương binh cấp huyện.

Trên cơ sở những hạn chế, bất cập nêu trên, đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết để giúp các ngành, địa phương tháo gỡ, bảo đảm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được áp dụng pháp luật thống nhất, đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực và trên địa bàn, đặc biệt quan tâm về những nội dung bất cập, không khả thi của các quy định về xử lý vi phạm hành chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung trong việc chuẩn bị sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính. Bên cạnh đó, kiến nghị Bộ quan tâm việc hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho địa phương bảo đảm việc thống nhất, khả thi trong việc áp dụng pháp luật(STP Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

- Về việc không tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước gây nhiều khó khăn cho cơ quan chức năng như không có cơ sở xác định thông tin của các đối tượng vi phạm: Bộ Tư pháp thấy rằng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước là giấy tờ “tùy thân” cơ bản, quan trọng của một tổ chức hay một cá nhân, là phương tiện thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân trong hầu hết các giao dịch dân sự, thủ tục hành chính... Do vậy, Luật XLVPHC chỉ quy định được phép tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong một số trường hợp thật cần thiết như quy định tại Điều 125 Luật XLVPHC.

- Về thẩm quyền xử phạt của một số chức danh như Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh còn thấp: Hiện nay, mức phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại một số Nghị định xử phạt vi phạm hành chính được tăng lên để đảm bảo tính răn đe và phù hợp với thực tiễn, tuy nhiên, thẩm quyền xử phạt của một số chức danh so với mức phạt quy định tương ứng cho từng hành vi tại các Nghị định này còn thấp, dẫn đến việc không xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, đồng thời làm tăng khối lượng công việc của các cơ quan cấp trên. Vì vậy, Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến nêu trên của địa phương và sẽ tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu báo cáo Chính phủ, Quốc hội về vấn đề này để sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC trong thời gian tới khi sửa đổi, bổ sung Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị chỉ có tối đa 48 giờ gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt trong trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá: Bộ Tư pháp ghi nhận quy định này là không phù hợp, vì việc thành lập Hội đồng định giá, việc tổ chức định giá đối với những vụ vi phạm mà tang vật là hàng hóa nhập lậu có giá trị, đặc biệt ở các khu vực biên giới, biển, đảo rất khó khăn. Hơn nữa, có nhiều vụ vi phạm tang vật là nhiều chủng loại hàng hóa, hàng hóa phức tạp, khó xác minh giá trị... việc xác định giá trị trong khoảng thời gian này sẽ không đảm bảo tính chính xác, dẫn đến việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không chính xác, không đúng thẩm quyền. Vì vậy, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, báo cáo Chính phủ kiến nghị Quốc hội cân nhắc để sửa đổi, bổ sung vấn đề này trong thời gian tới.

- Về các kiến nghị liên quan đến hoãn, giảm, miễn, nộp tiền phạt nhiều lần; các biện pháp cưỡng chế; việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính; việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính...: Do các kiến nghị không nêu những khó khăn, vướng mắc cụ thể nên Bộ Tư pháp không có căn cứ để trả lời chi tiết từng vấn đề. Tuy nhiên, hiện nay, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC đang được tiến hành sửa đổi, bổ sung, Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan được giao chủ trì xây dựng dự án Luật này xin ghi nhận những khó khăn, vướng mắc nêu trên, đồng thời sẽ tiếp tục nghiên cứu, báo cáo Chính phủ kiến nghị Quốc hội cân nhắc để sửa đổi, bổ sung vấn đề này trong thời gian tới.

- Liên quan đến việc hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho địa phương, Bộ Tư pháp hàng năm đều tổ chức các lớp tập huấn về công tác xử lý vi phạm hành chính, đồng thời đối với những khó khăn, vướng mắc mà địa phương có Công văn kiến nghị, Bộ Tư pháp đều có văn bản trả lời đầy đủ, chi tiết và hướng xử lý cụ thể những khó khăn, vướng mắc được nêu.

12. *Một số quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn thiếu đồng bộ, khả thi (Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính; giữa các nghị định xử phạt với nhau...). Công tác thống kê số liệu theo các biểu mẫu thống kê theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp gặp nhiều khó khăn do một số yêu cầu thống kê không có cơ sở hoặc không rõ ràng (số đối tượng vi phạm hành chính trong trường hợp một đối tượng thực hiện nhiều hành vi vi phạm khác nhau hoặc nhiều đối tượng cùng thực hiện một hành vi vi phạm...); quy định thời hạn tổng hợp báo cáo quá ngắn, trong khi nội dung báo cáo rất nhiều, cơ quan tham mưu khó*

đáp ứng được về thời gian và chất lượng báo cáo. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm điều chỉnh những vấn đề trên cho phù hợp(UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

- Về vấn đề một số quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC và Luật Phòng, chống ma túy) chưa có sự thống nhất, đồng bộ. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Y tế rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình triển khai, thực hiện pháp luật về cai nghiện ma túy, trên cơ sở đó báo cáo Chính phủ các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để hoàn thiện các quy định pháp luật.

- Về công tác thống kê số liệu theo các biểu mẫu còn gặp nhiều khó khăn như việc xác định đối tượng vi phạm hành chính trong trường hợp một đối tượng thực hiện nhiều hành vi vi phạm hoặc một hành vi vi phạm được thực hiện bởi nhiều đối tượng. Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của địa phương để nghiên cứu, sửa đổi Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Về quy định thời hạn tổng hợp báo cáo là quá ngắn, trong khi đó, nội dung báo cáo lại quá nhiều sẽ khó đáp ứng được về thời gian và chất lượng của báo cáo. Về vấn đề này, Bộ Tư pháp thấy rằng, điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP quy định: Báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phải được gửi về Bộ Tư pháp chậm nhất là 07 ngày, kể từ ngày chốt số liệu. Quy định này là để đảm bảo phù hợp với quy định về thời gian chốt số liệu và thời hạn gửi báo cáo định kỳ quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. Theo đó, khi dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được phê duyệt, triển khai, việc thống kê các số liệu theo yêu cầu của báo cáo sẽ đảm bảo tính chính xác và khoa học, tạo thuận lợi công tác báo cáo thống kê về xử lý vi phạm hành chính.

13. Mâu thuẫn giữa các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính; chẳng hạn, hành vi xả rác không đúng nơi quy định có thể áp dụng 3 nghị định hướng dẫn khác nhau, nhưng lại quy định 3 mức xử phạt khác nhau; thẩm quyền xử phạt của các cấp quận huyện còn bất cập... Đề nghị Bộ Tư pháp Tháo gỡ các vướng mắc, nhất là mâu thuẫn giữa các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính (Đồng chí Huỳnh Văn Hạnh, Giám đốc STP tp. Hồ Chí Minh)

Trả lời:

- Về kiến nghị liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính có sự mâu thuẫn

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Hiện nay, việc xử phạt đối với hành vi “xả rác không đúng nơi quy định” đang được quy định tại 3 Nghị định với 3 mức phạt khác nhau, cụ thể:

Điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (Nghị định số 167/2013/NĐ-CP) quy định: *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu”* đối với hành vi *đổ rác, chất thải hoặc bất cứ vật gì khác vào hố ga, hệ thống thoát nước công cộng, trên vỉa hè, lòng đường.*

Điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định: *Phạt tiền từ 100 nghìn đồng đến 200 nghìn đồng đối với hành vi đổ rác, xả nước ra đường bộ không đúng nơi quy định, trừ các hành vi vi phạm quy định tại: Điểm a, Điểm h Khoản 5 Điều này; Khoản 3, Khoản 4 Điều 20 Nghị định này và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu”.*

Điểm d khoản 1 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường này quy định: *Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị.*

Liên quan đến vấn đề này, Bộ Tư pháp xin thông tin thêm với Quý đại biểu, tại Báo cáo thẩm định số 231/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 05/1/2015 đối

với dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (hiện nay là Nghị định số 155/2016/NĐ-CP), Bộ Tư pháp đã có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: *Trong trường hợp các hành vi vi phạm được quy định tại dự thảo Nghị định có sự trùng lặp với các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác thì hình thức, mức xử phạt đối với các hành vi đó phải thống nhất với quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng.* Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu ý kiến thẩm định này của Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của Quý đại biểu về khó khăn, vướng mắc đã nêu. Hiện nay, cả 03 Nghị định nêu trên đều đang được Bộ Giao thông vận tải (Tổng cục Đường Bộ Việt Nam), Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tiến hành xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế. Bộ Tư pháp sẽ chủ động phối hợp chặt chẽ, đóng góp ý kiến trong quá trình tham gia xây dựng, góp ý, thẩm định đối với các dự thảo này sao cho các chế tài xử phạt quy định trong dự thảo Nghị định sau khi được Chính phủ thông qua đảm bảo được sự thống nhất, đồng bộ.

- Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cấp huyện còn bất cập

Do kiến nghị không nêu cụ thể bất cập về thẩm quyền xử phạt của cấp huyện nên Bộ Tư pháp không có căn cứ để trả lời cụ thể về vấn đề này. Tuy nhiên, hiện nay, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính đang được tiến hành sửa đổi, bổ sung, Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan được giao chủ trì xây dựng dự án sẽ tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu các vướng mắc, bất cập của Luật xử lý vi phạm hành chính (trong đó có thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) và báo cáo Chính phủ, Quốc hội trong thời gian tới.

IV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Bộ tài liệu khung để địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở đảm bảo thống nhất, hiệu quả (UBND tỉnh Cao Bằng)*

Trả lời:

- Đối với Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên ở cơ sở:

Triển khai thực hiện Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên theo Quyết định số 4077/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ Tư pháp, năm 2016, Bộ Tư pháp đã biên soạn, phát hành Bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải

viên để các cơ quan sử dụng tài liệu tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; trang bị cho hòa giải viên những kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải phù hợp, thiết thực để vận dụng trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Bộ Tài liệu đã được đăng tải trên Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật (đường link: <http://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/Hoa-Giai-Co-So.aspx?ItemID=83>). Đề nghị các cơ quan, tổ chức có nhu cầu truy cập, download tài liệu phục vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, hòa giải viên ở cơ sở tại địa phương.

Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai xây dựng Bộ tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở để thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022”.

- Đối với Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật:

Trên cơ sở Chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 3147/QĐ-BTP ngày 28/12/2018, hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn Bộ tài liệu nguồn và dự kiến hoàn thành trong năm 2019.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, trực tiếp tập huấn về kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh để tiếp thu, nâng cao kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ này (UBND Tp Cần Thơ)

Trả lời:

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định cụ thể trách nhiệm PBGDPL của các cơ quan, tổ chức, trong đó, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm “*tập huấn, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật*”. Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về PBGDPL; chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước về công tác này. Vì vậy, trước hết các địa phương chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình đã được giao trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của các báo cáo viên trong công tác PBGDPL, hàng năm, Bộ Tư pháp đều có Kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền pháp luật cho các báo cáo viên pháp luật trung ương, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cán bộ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao năng lực cho đội ngũ này.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ mở rộng thêm số lượng báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh trong các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền pháp luật cho cán bộ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật của các tỉnh, thành phố; nghiên cứu, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng PBGDPL; tăng cường trao đổi kinh nghiệm, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn triển khai công tác PBGDPL, góp phần đáp ứng yêu cầu của công tác này trong tình hình mới.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét đề xuất nâng mức chi hỗ trợ cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật vì mức chi theo quy định hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tế cho hoạt động của đội ngũ này (UBND Tp Cần Thơ)

Trả lời:

Những năm qua, chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã được từng bước quan tâm. Bên cạnh công chức làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, các cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật kiêm nhiệm (báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật...) cũng được Nhà nước quan tâm, tạo cơ chế, điều kiện về kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Để cụ thể hóa chủ trương, chính sách hỗ trợ này, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính ban hành *Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*, trong đó đã hướng dẫn cụ thể nội dung chi, mức chi thù lao phục vụ hoạt động của đội ngũ này (khoản 8, 10 Điều 4; điểm b, khoản 1 Điều 5 và mục 2, Phụ lục Thông tư liên tịch). Mức chi, nội dung chi bảo đảm tương quan với các chế độ, chính sách quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có nội dung tương tự. Về mức thù lao cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hiện được dẫn chiếu áp dụng theo quy định tại Thông tư số

36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018. Theo đó mức thù lao và biên soạn bài giảng của báo cáo viên, tuyên truyền viên được tăng lên phần nào đáp ứng được yêu cầu từ thực tiễn.

Tuy nhiên, do điều kiện ngân sách hạn hẹp, một số địa phương chưa dành nhiều sự quan tâm, bố trí, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của đội ngũ này. Bên cạnh đó, so với nhu cầu PBGDPL của nhân dân và yêu cầu triển khai thi hành các Luật, Pháp lệnh mới thì chế độ, chính sách dành cho đội ngũ này còn rất hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất, tranh thủ tối đa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể để có các giải pháp thiết thực hỗ trợ các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong thời gian tới.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cơ chế thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo điều kiện tổ chức các hoạt động xã hội hóa một cách rộng rãi và hiệu quả hơn (UBND Tp Cần Thơ)

Trả lời:

Nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu thông tin pháp luật của người dân, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước bằng pháp luật, yêu cầu tăng cường các hoạt động xã hội hóa PBGDPL là một tất yếu khách quan. Xã hội hóa đã được quy định cụ thể tại chương 3 *Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*. Do vậy, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương căn cứ vào điều kiện thực tiễn, thực hiện các giải pháp sau đây:

- a) Triển khai thực hiện nhiệm vụ về xã hội hóa đã được quy định Nghị định số 28/2013/NĐ-CP với phương thức, cách làm sáng tạo, phù hợp;
- b) Tiếp tục tổng kết, đánh giá để tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách về xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia PBGDPL;
- c) Xây dựng, tổng kết các mô hình hay, cách làm hiệu quả để nhân rộng trong cả nước;
- d) Tăng cường các biện pháp chỉ đạo, hướng dẫn để triển khai thực hiện thật tốt chính sách này trong thực tế. Thực hiện các giải pháp cụ thể trong việc thu hút đội ngũ luật sư, luật gia, những người làm công tác pháp luật, những người có kiến thức về pháp luật tham gia vào công tác này.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, ban hành tiêu chí xây dựng tủ sách pháp luật điện tử để phù hợp với xu thế phát triển thay thế việc áp dụng xây dựng tủ sách pháp luật ở những quận, huyện có hạ tầng công nghệ thông tin tốt; chỉ nên áp dụng tủ sách pháp luật ở những nơi vùng sâu, vùng xa, khó khăn (UBND Tp Hà Nội)

Trả lời:

Ngày 13/3/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật (thay thế Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2019) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2019. Trong đó Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng, vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia để bắt đầu khai thác, sử dụng chính thức từ năm 2021. Hiện nay Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết xây dựng mô hình này và ban hành văn bản đề nghị các địa phương rà soát, thống kê các sách, tài liệu PBGDPL nhằm chuẩn bị nội dung, dữ liệu thực hiện số hóa trên Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia.

Đối với Tủ sách pháp luật truyền thống, Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg đã quy định sẽ tiếp tục xây dựng, duy trì tại địa bàn các xã đặc biệt khó khăn. Những địa bàn còn lại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, đánh giá hiệu quả, trên cơ sở đó quyết định việc duy trì, chú trọng khai thác Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia sau khi vận hành chính thức.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm biên soạn, in ấn, phát hành miễn phí các sách, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng, kiến thức pháp luật cho hòa giải viên; băng, đĩa có nội dung tuyên truyền, PBGDPL về hòa giải và các vụ việc hòa giải điển hình, tình huống mô phỏng về hòa giải (UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Trả lời:

Biên soạn tài liệu về hòa giải ở cơ sở là nội dung quản lý nhà nước, thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP. Theo đó, thực hiện Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm, Bộ Tư pháp đã tổ chức biên soạn và phát hành miễn phí nhiều tài liệu PBGDPL dưới các hình thức như: Đề cương giới thiệu các luật, pháp lệnh mới, đặc san tuyên truyền pháp luật, sách pháp luật, sổ tay pháp luật, tình huống pháp luật, hỏi đáp pháp luật, câu chuyện pháp luật dưới dạng video clip...trong đó có các tài

liệu về hòa giải ở cơ sở. Các tài liệu này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử PBGDPL, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn/pbgdpl) để phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, nhân dân và các hòa giải viên.

Bên cạnh đó, triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022” (Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ), tới đây, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tăng cường biên soạn, cung cấp tài liệu về hòa giải ở cơ sở với các hình thức đa dạng, phong phú hơn. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tăng cường biên soạn, phát hành tài liệu về hòa giải ở cơ sở phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu, kiến nghị sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản có liên quan theo hướng: Quy định thống nhất các trường hợp thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; Đơn giản hóa thủ tục hành chính bổ nhiệm hòa giải viên ở cơ sở; Quy định cụ thể thời hạn tiến hành hòa giải và giới hạn số lần hòa giải không thành tối đa cho mỗi vụ việc, nếu không đạt kết quả hòa giải thành thì phải chuyển đến cơ quan chức năng giải quyết nhằm tạo thuận lợi để các bên giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn; Quy định về quyền yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án để thống nhất với quy định tại Chương XXXII Bộ luật tố tụng dân sự và nâng cao hiệu lực của kết quả hòa giải thành, đồng thời bổ sung quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở thông qua thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án (UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Trả lời:

Đề có cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 370/KH-BTP ngày 29/01/2019 về tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Căn cứ vào kết quả tổng kết và ý kiến đề xuất của bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, đánh giá, trình Chính phủ đề xuất Quốc hội cho sửa đổi, bổ sung Luật Hòa giải ở cơ sở (nếu cần thiết).

8. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thành việc xây dựng Cổng/Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp để các địa phương xây dựng, hoàn thiện Cổng/Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật thống nhất với chuẩn cấu trúc dữ liệu của Bộ Tư pháp (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Đề triển khai Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019 - 2021”, ngày 14/6/2019, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1347/QĐ-BTP về Kế hoạch thực hiện Đề án. Theo đó, năm 2019, Bộ Tư pháp dự kiến triển khai các hoạt động phục vụ xây dựng Công thông tin điện tử PBGDPL giai đoạn 1 (trước mắt triển khai tại Bộ Tư pháp) tạo tiền đề phát triển, mở rộng, sử dụng trên phạm vi cả nước.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đổi mới việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng không ban hành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật mà ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm, trong đó, định hướng trọng tâm phổ biến, giáo dục pháp luật, giải pháp phổ biến, giáo dục pháp luật, mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật mới, hiệu quả để địa phương tự chủ động xây dựng Chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp tình hình thực tiễn, điều kiện nhân lực, vật lực của địa phương (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Hàng năm, để triển khai công tác PBGDPL hiệu quả, kịp thời, Bộ Tư pháp đều đã ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong đó xác định rõ các nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng Kế hoạch chi tiết hàng năm để triển khai công tác PBGDPL phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn.

Đồng thời, việc ban hành các Chương trình, Đề án về PBGDPL xuất phát từ mục đích triển khai công tác PBGDPL trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với yêu cầu từng giai đoạn và ưu tiên cho các đối tượng đặc thù; đồng thời, là cơ sở để Bộ, ngành, địa phương ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai thực hiện.

Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương khi xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL cần bám sát điều kiện thực tiễn; tính toán kỹ các nguồn lực và điều kiện bảo đảm để xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp; ưu tiên lồng ghép, kết hợp giữa triển khai thực hiện Đề án, Kế hoạch về PBGDPL với các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn; gắn với thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, với các Dự án hợp tác quốc tế... để tận dụng, khai thác, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực; tiếp tục khuyến khích, huy

động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện công tác PBGDPL theo chủ trương xã hội hóa; kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập trong thực hiện để kịp thời tháo gỡ, xử lý.

10. *Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ Tư pháp quy định bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm thực hiện (UBND Tp Hồ Chí Minh)*

Trả lời:

Ngày 10/3/2018, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BTP quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL. Thông tư được ban hành để hướng dẫn cụ thể hóa quy định tại Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PBGDPL. Để tổ chức thực hiện Thông tư một cách thống nhất, sâu rộng, Bộ Tư pháp đã tiến hành xây dựng tài liệu giới thiệu, hướng dẫn nội dung cơ bản về việc đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL và đăng tải trên Trang thông tin PBGDPL (Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp); giới thiệu nội dung Thông tư tại Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tổ chức tại 03 miền Bắc, Trung, Nam⁵; cử Lãnh đạo cấp Vụ tham gia làm báo cáo viên giới thiệu về nội dung Thông tư tại Hội nghị một số tỉnh, thành phố; kịp thời hướng dẫn, giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của địa phương liên quan đến việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí.

Năm 2019, Bộ đã có nội dung hướng dẫn thực hiện Thông tư trong Công văn số 1201/BTP-PBGDPL ngày 09/04/2019 về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã, phường, thị trấn (cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tập huấn Thông tư số 03/2018/TT-BTP cho các bộ, ngành ở Trung ương, địa phương và xây dựng các văn bản, tài liệu, bộ công cụ đánh giá mẫu để hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện một cách thống nhất.

11. *Cung cấp, chia sẻ tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là đề cương phổ biến, giáo dục pháp luật dành cho báo cáo viên, tuyên truyền viên (dưới dạng power point); tài liệu hỏi đáp pháp luật, chương trình phát thanh, kịch bản tiểu phẩm pháp luật, bài giảng trực tuyến (âm thanh rõ ràng, dễ nghe, có thể ghi chép lại)... (UBND Tp Hồ Chí Minh)*

⁵Thừa Thiên Huế, Điện Biên, Cần Thơ.

Trả lời:

Để tạo điều kiện cho Bộ, ngành, địa phương trong công tác PBGDPL, Bộ tư pháp bên cạnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PBGDPL, cũng đã xây dựng và phối hợp xây dựng biên soạn các tài liệu pháp luật (Đề cương giới thiệu luật, sách, tờ gấp, câu chuyện, tình huống pháp luật, bài giảng điện tử, tin, bài về PBGDPL...). Tài liệu này đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử về PBGDPL (www.moj.gov.vn/pbgdpl/Pages/Default.aspx). Việc đề nghị cung cấp tài liệu dưới dạng power point là hoạt động thuần túy nghiệp vụ, kỹ năng của người thực hiện công tác PBGDPL, đề nghị các địa phương trên cơ sở các tài liệu Bộ đã đăng tải, cần chủ động thực hiện.

Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tăng cường phối hợp, hướng dẫn, đề nghị các bộ, ngành, cơ quan chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh thực hiện kịp thời việc biên soạn, phát hành Đề cương, tài liệu tuyên truyền các luật, pháp lệnh mới; chú trọng triển khai thi hành luật, pháp lệnh; phối hợp cung cấp thông tin, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về nhu cầu PBGDPL để có hướng dẫn, định hướng biên soạn, cấp phát tài liệu phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức hội thi, hội nghị, hội thảo, tọa đàm riêng cho báo cáo viên, tuyên truyền viên hoặc hòa giải viên ở cơ sở của các tỉnh, thành phố để học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tủ sách pháp luật để xây dựng giải pháp, mô hình thực hiện hiệu quả (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Trong những năm qua, để góp phần nâng cao năng lực, chuyên môn của đội ngũ những người làm công tác PBGDPL, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều Tọa đàm, Hội thảo về PBGDPL, Hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật (các hội thảo, Tọa đàm gắn với việc tổng kết các văn bản của Đảng, Nhà nước về PBGDPL, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL, cơ chế phối hợp, mô hình PBGDPL có hiệu quả, xã hội hóa công tác PBGDPL, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác này...). Để tiếp tục trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, phân tích, rút kinh nghiệm và tổng kết, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong cả nước về xã hội hóa để chia sẻ trong các buổi tọa đàm và hội thảo trong thời gian tới. Theo kế hoạch, tháng 8/2019, Bộ Tư pháp

tổ chức hội thảo về xã hội hóa công tác PBGDPL trong nhà trường. Kỳ yếu các cuộc hội thảo, Tọa đàm sẽ được Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang Thông tin điện tử về PBGDPL để tạo điều kiện cho các Bộ, ngành, địa phương không trực tiếp tham dự tham khảo.

Về Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc, để bảo đảm việc tổ chức hội thi là điểm nhấn, định kỳ 05 năm Bộ Tư pháp tổ chức Hội thi hòa giải viên giỏi toàn quốc; theo đó, năm 2016, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội thi hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ III, dự kiến Hội thi lần thứ IV sẽ được tổ chức vào năm 2021. Đối với các địa phương, căn cứ vào tình hình thực tế và nguồn lực, chủ động tổ chức Hội thi hòa giải viên giỏi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cho phù hợp.

13. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

a) Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở

Sau gần 5 năm triển khai thực hiện, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT ngày 27/01/2014 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL đã được các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đảm bảo đúng chế độ, định mức hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ việc triển khai các hoạt động PBGDPL. Đến nay, cơ bản các văn bản tài chính này vẫn đang được triển khai ổn định, chưa có sự sửa đổi, bổ sung thay thế.

Thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định của Luật, trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1035/BTP-PBGDPL ngày 29/3/2018 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá việc triển khai Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, qua đó đề xuất các nội

dung cần sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết đáp ứng yêu cầu công tác này trong tình hình mới. Qua tổng hợp ý kiến các bộ, ngành, địa phương, về cơ bản vẫn đánh giá việc triển khai Thông tư liên tịch khá ổn định, đảm bảo tương quan thống nhất chung về nội dung chi, mức chi với các văn bản tài chính hiện hành về các lĩnh vực công việc có tính chất tương tự, là cơ sở pháp lý quan trọng để đáp ứng việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí về công tác PBGDPL hiện nay. Hiện nay những văn bản Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP dẫn chiếu đã thay đổi bằng nhiều văn bản khác với mức chi tương đối phù hợp với điều kiện ngân sách nhà nước hiện nay. Cụ thể như:

- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được thay thế bằng Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được thay thế bằng Thông tư 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thay thế bởi Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp được thay thế bởi Thông tư 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời tại Thông tư số 76 quy định mức chi cho việc biên soạn tài liệu áp dụng theo Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

- Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước được thay thế bởi Thông tư 71/2018/TT-BTC quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

- Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê được thay thế bởi Thông tư 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

- Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BTC-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức hiện đã được hướng dẫn bởi Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

b) Kinh phí hòa giải ở cơ sở: Qua thực tiễn thực hiện Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP, Bộ Tư pháp nhận thấy một số nội dung chi và mức chi tại Thông tư không còn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và trong thời gian tới, đồng thời một số văn bản dẫn chiếu trong Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP đã được thay thế bởi văn bản khác. Vì vậy, trên cơ sở đề xuất của các địa phương tại báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ sẽ tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các giải pháp để đảm bảo điều kiện về kinh phí thực hiện hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trong thời gian tới.

14. *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có Kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2020” và Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021” để địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất (UBND tỉnh Trà Vinh)*

Trả lời:

- Nhằm nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở đáp ứng tình hình mới của đất nước, Bộ Tư pháp đã tham mưu xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022. Để triển khai Đề án kịp thời, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1331/QĐ-BTP ngày 12/6/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án trong năm 2019 và Công văn số 2209/BTP-PBGDPL ngày 17/6/2019 về việc thực hiện Đề án trong năm 2019. Trên cơ sở nội dung Đề án và Kế hoạch này, đề nghị các địa phương ban hành văn bản triển khai thực hiện Đề án tại địa phương bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021” đã quy định rất cụ thể nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ và phân công trách nhiệm. Vì vậy, trên cơ sở nội dung Quyết định, các địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án. Trong thời gian đầu tháng 7/2019, Bộ Tư pháp sẽ ban hành công văn hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai Đề án.

15. Hiện nay có rất nhiều kế hoạch, đề án PBGDPL mà ngành Tư pháp tham mưu chủ trì thực hiện, trong khi kinh phí hạn hẹp, việc lồng ghép PBGDPL là yêu cầu bắt buộc song trên thực tế hiệu quả PBGDPL sẽ rất hạn chế. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu cấp trên chỉ đạo việc đảm bảo kinh phí thực hiện các kế hoạch, đề án này nhằm đưa việc thực hiện các kế hoạch, đề án đó vào thực chất hơn (UBND tỉnh Yên Bái)

Trả lời:

Kinh phí chi cho công tác PBGDPL nói chung cũng như chi cho việc thực hiện các chương trình, Đề án về PBGDPL nói riêng chưa đảm bảo theo yêu cầu kế hoạch đề ra là thực trạng của nhiều địa phương trong thời gian qua mặc dù Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định rất rõ cơ chế kinh phí phục vụ triển khai công tác này, nhất là đối với các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách.

Vì vậy, đề nghị các địa phương, trong quá trình tham mưu lập dự toán ngân sách bố trí cho công tác PBGDPL của năm sau (tháng 6, 7 của năm trước liền kề), cần chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện công tác này gửi Sở Tài chính tổng hợp

báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính phân bổ ngân sách hàng năm. Đồng thời, chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền bố trí trong phạm vi ngân sách của địa phương, đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.

Về phía Bộ Tư pháp, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn nêu trên và xuất phát từ yêu cầu thực tế của việc triển khai Luật PBGDPL, trong chỉ đạo, hướng dẫn, Bộ luôn đề nghị lãnh đạo chính quyền địa phương quan tâm bảo đảm kinh phí, nguồn lực cho nhiệm vụ PBGDPL. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với Bộ, ngành, đoàn thể đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế tổ chức thi hành luật, pháp lệnh để có được nguồn lực bảo đảm cho công tác này; tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính để đề xuất, điều chỉnh các quy định về kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật đảm bảo tính khả thi, phù hợp, đồng bộ và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác này trong tình hình mới.

16. Do điều kiện của tỉnh miền núi, kinh tế xã hội còn khó khăn, tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách, đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp dự toán đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí PBGDPL cho địa phương (UBND tỉnh Yên Bái)

Trả lời:

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã quy định rõ cơ chế tài chính cho công tác PBGDPL, trong đó có các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc do Luật ngân sách nhà nước quy định về nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách đã xác định nguyên tắc: “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm*” (Khoản 4 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước năm 2015). Căn cứ Luật ngân sách nhà nước về phân cấp thực hiện ngân sách, hằng năm, Bộ Tài chính đều có văn bản hướng dẫn và đề nghị các địa phương, trong đó có các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách tự bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL trong phạm vi ngân sách được Trung ương giao. Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 quy định: “*Căn cứ dự toán chi ngân sách được giao năm 2018, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động bố trí kinh phí thực hiện công tác phổ*

biến, giáo dục pháp luật theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở”.

Vì vậy, đề nghị các địa phương, trong quá trình tham mưu lập dự toán ngân sách bố trí cho công tác PBGDPL hàng năm (tháng 6,7 hàng năm), cần chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trên phạm vi toàn tỉnh để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện công tác này, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính phân bổ ngân sách hàng năm. Đồng thời, chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền bố trí trong phạm vi ngân sách của địa phương, đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tài chính để đề xuất, điều chỉnh các quy định về kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật đảm bảo tính khả thi, phù hợp, đồng bộ và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác này trong tình hình mới.

17. Để đảm bảo tính kịp thời cũng như sự phù hợp giữa kế hoạch của Bộ Tư pháp với kế hoạch tổ chức thực hiện của địa phương, đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện ngay sau khi Thủ tướng chính phủ ban hành các Quyết định, Đề án trong công tác PBGDPL (UBND tỉnh Yên Bái)

Trả lời:

Về cơ bản, ngay sau khi các Đề án, Chương trình về PBGDPL được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp đã kịp thời ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện để bảo đảm tính kịp thời và hướng dẫn các địa phương thực hiện. Tuy nhiên, trên cơ sở ý kiến phản ánh của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để đẩy nhanh hơn tiến độ ban hành các Kế hoạch này trong thời gian tới.

18. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể hơn quy định về quyền yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành của Tổ hòa giải vì hiện nay thủ tục đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành của Tổ hòa giải còn nhiều bất cập (UBND tỉnh Đồng Tháp)

Trả lời:

Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đã được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Chương XXXIII của Bộ luật), Bộ luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

Để bảo đảm việc thực hiện thống nhất trong cả nước, trên cơ sở thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1503/BTP-

PBGDPL ngày 05/5/2017 về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, ngày 08/4/2019 Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao đã ký kết Chương trình phối hợp số 162/CTPH-TANDTC-BTP về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở. Một trong những nội dung được xác định trong chương trình phối hợp là “chi đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện quy định về việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; nghiên cứu, xây dựng các tài liệu nghiệp vụ về hòa giải tranh chấp dân sự và các tài liệu hướng dẫn quy trình, thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án”.

19. *Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký Quyết định số 3147/QĐ-BTP ngày 28/12/2018 ban hành Chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật nhưng đến nay Bộ Tư pháp chưa ban hành tài liệu nên khó khăn cho địa phương trong tổ chức triển khai tập huấn cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo Chương trình khung. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, sớm chỉ đạo thực hiện (UBND tỉnh Bến Tre)*

Trả lời:

Chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật (ban hành kèm theo Quyết định số 3147/QĐ-BTP ngày 28/12/2018) nhằm mục tiêu chuẩn hóa chương trình, nội dung, tài liệu bồi dưỡng làm cơ sở để Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương tham khảo, áp dụng trong quá trình tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối với BCVPL, TTVPL thuộc phạm vi quản lý. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm biên soạn, phát hành Bộ tài liệu nguồn bồi dưỡng nghiệp vụ BCVPL, TTVPL. Hiện Bộ Tư pháp đang xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn Bộ tài liệu nguồn này. Dự kiến, Bộ Tài liệu sẽ được hoàn thành trong năm 2019.

20. *Thế chế công tác hòa giải được hoàn thiện, Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hoà giải ở cơ sở. Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện, Luật Hòa giải ở cơ sở bộc lộ những bất cập (qua tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013), cũng đã phân nào ảnh hưởng đến hiệu quả công tác hòa giải trên*

địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, sớm đề xuất sửa đổi cho phù hợp với tình hình hiện nay (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Thực hiện Kế hoạch số 370/KH-BTP ngày 29/01/2019 của Bộ Tư pháp về tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp báo cáo kết quả tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở của các địa phương, xây dựng báo cáo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ vào kết quả tổng kết và ý kiến đề xuất của bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp sẽ trình Chính phủ đề xuất Quốc hội cho sửa đổi, bổ sung Luật Hòa giải ở cơ sở (nếu cần thiết).

21. Kiến nghị Bộ Tư pháp giao nhiệm vụ cho địa phương thực hiện cần tương xứng với thực tế địa phương thì mới phát huy hiệu quả nhiệm vụ được giao; tập trung triển khai thực hiện những đề án, chương trình do ngành Tư pháp chủ trì; những chương trình, đề án do các bộ, ngành khác chủ trì thì để các bộ, ngành đó chủ động thực hiện, điển hình như: Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”; Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh, thiếu niên” (đề xuất để ngành Nội vụ và tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện); Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật” (đề xuất để ngành Công an chủ trì thực hiện)... (UBND tỉnh Tây Ninh)

Trả lời:

Việc triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án về công tác PBGDPL do Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở chức năng quản lý nhà nước về PBGDPL của ngành Tư pháp. Vì vậy, đều giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành quản lý các đối tượng hoặc lĩnh vực liên quan.

Đồng thời, ban hành các Chương trình, Đề án về PBGDPL xuất phát từ mục đích triển khai công tác PBGDPL trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với yêu cầu từng giai đoạn và ưu tiên cho các đối tượng đặc thù; đồng thời, là cơ sở để Bộ, ngành, địa phương ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai thực hiện.

Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương khi xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL cần bám sát điều kiện thực tiễn; tính toán kỹ các nguồn lực và điều kiện bảo đảm để xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp; ưu tiên lồng ghép, kết hợp giữa triển khai thực hiện Đề án, Kế

hoạch về PBGDPL với các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn; gắn với thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, với các Dự án hợp tác quốc tế... Đồng thời, Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố bố trí kinh phí đã được phân cấp tại ngân sách của địa phương để triển khai Đề án hiệu quả; tiếp tục khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện công tác PBGDPL theo chủ trương xã hội hóa; kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập trong thực hiện để kịp thời tháo gỡ, xử lý.

Do vậy, trên cơ sở các Chương trình, Đề án do các Bộ, ngành ở Trung ương ban hành, đề nghị các địa phương triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương mình.

V. LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC

1. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tư pháp địa phương, đặc biệt là công chức Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã (UBND các tỉnh Hà Tĩnh, Sóc Trăng)

Trả lời:

Việc tập huấn nghiệp vụ hộ tịch được xác định là nhiệm vụ cần thực hiện thường xuyên của cơ quan lý nhà nước về hộ tịch ở cả Trung ương (Bộ Tư pháp) và địa phương (UBND các cấp).

Do đó, ở Trung ương, Bộ Tư pháp đã xây dựng Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch tại cấp huyện, cấp xã và các Trường Trung cấp luật; cử báo cáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp tập huấn nghiệp vụ tại cơ sở.

Về phía các địa phương, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh quan tâm, chỉ đạo Sở Tư pháp chủ động xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, bố trí đội ngũ báo cáo viên có đủ năng lực, phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ cho công chức làm công tác hộ tịch trên địa bàn theo đúng quy định của Luật hộ tịch.

2. Trong các văn bản về chứng thực bản dịch chưa có quy định về lời chứng bằng tiếng nước ngoài, nhất là đối với bản dịch từ tiếng Việt ra tiếng nước ngoài. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cán nhân trong quá trình sử dụng bản dịch, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ quy định bổ sung về lời chứng bằng tiếng nước ngoài đối với việc chứng thực bản dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài (UBND tỉnh Hải Dương)

Trả lời:

Khoản 1 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản là tiếng Việt, chính xác, phổ thông. Không dùng từ ngữ địa phương, từ ngữ cổ và từ ngữ thông tục”.

Như vậy, về nguyên tắc, các nội dung được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật phải bằng tiếng Việt. Do đó, việc chỉ quy định mẫu lời chứng bằng tiếng Việt là phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Mặt khác, hiện nay, nhu cầu dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài là rất đa dạng, từ những thứ tiếng phổ thông như Anh, Pháp, Trung Quốc, Nga, Đức... hay đến những thứ tiếng ít phổ biến như Thụy Điển, Ả Rập, Lào, Campuchia... Do đó, cơ quan ban hành không thể định lượng hết để quy định mẫu lời chứng bằng tiếng nước ngoài.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn đối với các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực chứng thực như sửa đổi Điều 7 của Thông tư số 20/2015/TT-BTP theo hướng: đối với trường hợp bản chính có nhiều trang thì người yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính chỉ chụp những trang có nhu cầu sử dụng; đề xuất miễn giảm phí chứng thực đối với các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015; về thời hạn lưu trữ và tiêu hủy đối với các hồ sơ chứng thực chữ ký quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

- Về việc sửa đổi Điều 7 Thông tư số 20/2015/TT-BTP theo hướng: đối với trường hợp bản chính có nhiều trang thì người yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính chỉ chụp những trang có nhu cầu sử dụng

Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “Bản sao là bản chụp từ bản chính hoặc bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc”.

Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định: “Bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định tại Nghị định này có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Như vậy, bản sao phải bảo đảm đầy đủ, chính xác như bản chính thì mới có giá trị sử dụng thay thế bản chính. Do đó, nếu chỉ chứng thực những trang mà người có nhu cầu sử dụng yêu cầu thì sẽ không bảo đảm được giá trị sử dụng thay thế cho bản chính.

Ngoài ra, nếu chỉ chứng thực những trang mà người có nhu cầu sử dụng yêu cầu thì sẽ không thể xác định được chính xác những bản chính đó có thuộc trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính hay không.

- Về đề xuất miễn giảm phí chứng thực đối với các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015

Liên quan đến kiến nghị này, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2849/BTP-HTQTCT ngày 14/8/2017 trao đổi với Bộ Tài chính theo hướng đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 226/2016/TT-BTC để bổ sung các đối tượng được miễn phí là hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn... (bao gồm cả phí chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch). Việc miễn phí chứng thực đối với các đối tượng này vừa bảo đảm được sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

- Về thời hạn lưu trữ và tiêu hủy đối với các hồ sơ chứng thực chữ ký quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch

Do kiến nghị không nêu rõ khó khăn, vướng mắc liên quan đến Khoản 2 Điều 14 nên Bộ Tư pháp không có căn cứ để trả lời.

4. Về công tác hộ tịch: *Khoản 1 Điều 30 Luật Hộ tịch quy định: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân..., Tòa án nhân dân, ... có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch...”*

Điều 31 Luật hộ tịch quy định: “Ngay sau khi nhận được thông báo theo quy định tại Điều 30 của Luật này, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi vào Sổ hộ tịch theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân,...”

Tuy nhiên, hiện nay các biểu mẫu (bản án, quyết định) trong tổ tụng dân sự/giải quyết việc dân sự của ngành Tòa án liên quan đến “thay đổi hộ tịch của cá nhân” theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hộ tịch đều không thể hiện thông tin về đăng ký hộ tịch (thời điểm đăng ký, số giấy tờ hộ tịch...), dẫn đến tình trạng các cơ quan đăng ký hộ tịch không có cơ sở để ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân; hoặc để thực hiện được việc ghi vào Sổ, cơ quan đăng ký hộ tịch phải liên hệ với Tòa án nhân dân hoặc người có thông tin thay đổi để được cung cấp thêm thông tin/tài liệu làm cơ sở ghi chú.

Ví dụ: Mẫu Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

Đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến với Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tháo gỡ vướng mắc trên để cơ quan đăng ký hộ tịch có cơ sở ghi chú vào sổ hộ tịch theo quy định (UBND tỉnh Khánh Hòa)

Trả lời:

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, trao đổi với Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, để thuận lợi cho cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ động trao đổi, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện có cơ chế cung cấp thông tin theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hộ tịch làm cơ sở thực hiện ghi chú.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, trình Chính phủ cho phép nhập quốc tịch Việt Nam đối với 294 trường hợp di cư tự do khu vực biên giới Việt Nam – Lào trên địa bàn tỉnh Sơn La có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo Đề án thực hiện “Thỏa thuận giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2019” (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tại Công văn số 1976/UBND-NC ngày 15/6/2019, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với 294 trường hợp di cư tự do và kết hôn không giá

thủ hiện cư trú trên địa bàn tỉnh Sơn La. Ngay sau khi có Quyết định của Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp sẽ thông báo đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Theo quy định của Luật Hộ tịch, người có thẩm quyền ký cấp giấy tờ hộ tịch đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Tuy nhiên, tại Khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện như sau: “... ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện”.

Để đảm bảo thời hạn giải quyết hồ sơ đối với các thủ tục hành chính có quy định thời gian giải quyết trong ngày (khai sinh, khai tử, cấp bản sao trích lục hộ tịch) là rất khó khăn. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu có văn bản hướng dẫn địa phương cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện ký giấy tờ, bản sao trích lục hộ tịch để thực hiện thống nhất trong toàn quốc (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nhất định được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương, theo đó, Chủ tịch UBND cấp huyện “...*ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện*”.

Tuy nhiên, liên quan đến việc ủy quyền, khoản 1 Điều 14 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định: “*Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể*”.

Như vậy, Luật tổ chức chính quyền địa phương không quy định hạn chế việc ủy quyền, tuy nhiên, việc ủy quyền chỉ thực hiện trong một khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc giao cho Trưởng phòng Tư pháp ký cấp giấy tờ hộ tịch là công việc mang tính chất thường xuyên, liên tục, không đúng với

việc ủy quyền, không phù hợp với khoản 1 Điều 14 Luật tổ chức chính quyền địa phương.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ sớm phê duyệt cho Trà Vinh được tham gia Tiểu đề án 2 của Bộ Tư pháp về “Giải quyết các vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” để Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh kịp thời giải quyết khó khăn của địa phương (UBND tỉnh Trà Vinh)

Trả lời:

Ngày 28/12/2018, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 591/BTP-HTQTCT-m báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai Tiểu Đề án 2. Trong đó có đề xuất với Thủ tướng Chính phủ cho phép một số tỉnh không phải là tỉnh biên giới (trong đó có Trà Vinh), nhưng có đông người di cư tự do từ Campuchia về cư trú, được áp dụng cơ chế của Tiểu Đề án 2 để giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, đặc biệt là cấp Thẻ thường trú. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Thủ tướng Chính phủ chưa cho ý kiến về vấn đề này.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp khi tham gia xây dựng Luật sửa đổi các Luật như: Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai, Luật Nhà ở.... và sửa đổi bổ sung Nghị định số 29/2015/NĐ-CP về công chứng, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về chứng thực hết sức quan tâm đến tính đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật này gắn với các chủ trương, chính sách khác. Riêng vấn đề nhiệm vụ, thẩm quyền chứng thực hợp đồng giao dịch của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nên sớm xem xét đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thời gian sớm nhất để kịp thời đáp ứng, phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới (STP Bình Phước)

Trả lời:

Đối với kiến nghị này, Bộ Tư pháp sẽ xem xét để phối hợp với các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Tư pháp Trung ương: Tòa án, Viện kiểm sát, Công an,... tăng cường chỉ đạo theo ngành dọc công tác phối hợp trong việc cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin: bản án, quyết định, ... phục vụ việc cung cấp, chia sẻ thông tin về ly hôn để thực hiện ghi chú ly hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân (UBND Tp Hà Nội)

Trả lời:

Về trách nhiệm thông báo khi có sự thay đổi hộ tịch, khoản 1 Điều 30 Luật hộ tịch đã quy định rõ: *“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này, Tòa án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch; trường hợp nơi đăng ký hộ tịch là Cơ quan đại diện thì thông báo cho Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch”*.

Do đó, tại các địa phương mà Tòa án nhân dân không thực hiện việc gửi thông báo cho Ủy ban nhân dân theo quy định nêu trên thì đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Tư pháp tập hợp, báo cáo về Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) để Bộ Tư pháp có văn bản trao đổi với Tòa án nhân dân tối cao.

VI. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ Tư pháp cho phép tỉnh Đồng Nai thí điểm cấp phiếu lý lịch tư pháp điện tử (song song với cấp Phiếu lý lịch tư pháp bản giấy như hiện nay) cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng phiếu lý lịch tư pháp điện tử theo Công văn số 8822/UBND-HCC ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (UBND tỉnh Đồng Nai)

Trả lời:

Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp (LLTP) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu LLTP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp sử dụng giấy in màu có hoa văn do Bộ Tư pháp phát hành để in nội dung Phiếu LLTP cấp cho người có yêu cầu. Vì vậy theo quy định hiện nay, chỉ có Phiếu LLTP bằng văn bản giấy mới có giá trị pháp lý, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định giá trị pháp lý, trình tự, thủ tục cấp Phiếu LLTP điện tử. Do đó, việc UBND tỉnh Đồng Nai đề nghị thực hiện thí điểm việc cấp Phiếu LLTP điện tử trên địa bàn là không có cơ sở pháp lý để thực hiện.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp trao đổi, thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an đề nghị Tổng cục Thi hành án dân sự quan tâm hơn nữa trong việc cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp đảm bảo việc cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân (UBND tỉnh Hà Nam)

- Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Tư pháp TW: Tòa án, Viện kiểm sát, Công an,... tăng cường chỉ đạo theo ngành dọc công tác phối hợp trong việc cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin: bản án, quyết định,... phục vụ việc xây dựng CSDL lý lịch tư pháp, việc xóa án tích đương nhiên cho công dân (UBND Tp Hà Nội)

- Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu Chính phủ ban hành quy chế phối hợp và tổ chức ký kết quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao đối với việc xác minh và trả lời kết quả xác minh thông tin về bản án hoặc người bị kết án đã chấp hành đầy đủ quyết định của Tòa án trong bản án (như chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, án phí, trách nhiệm dân sự cũng như thông tin người đó có phạm tội mới trong thời hạn quy định để đương nhiên được xóa án tích không). Đặc biệt đối với các bản án đã bị mờ không đọc được, không còn lưu trữ để cơ quan Tư pháp thực hiện xóa án tích cho công dân theo quy định (STP Bà Rịa - Vũng Tàu)

- Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương chỉ đạo các cơ quan Ngành dọc cung cấp đầy đủ thông tin án tích còn tồn đọng hoặc có giải pháp xây dựng Đề án giải quyết thông tin án tích còn tồn đọng để phục vụ kịp thời công tác tra cứu, giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đã quy định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan (công an, tòa án, viện kiểm sát, thi hành án) trong việc cung cấp thông tin LLTP về án tích cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP (Trung tâm LLTP quốc gia và các Sở Tư pháp) để xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP; đồng thời cũng quy định rõ những loại thông tin LLTP về án tích phải cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP (như: trích lục bản án, các quyết định thi hành, giấy chứng nhận liên quan đến việc thi hành bản án của người bị kết án...). Đặc biệt, Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 liên tịch Bộ Tư pháp, Tòa án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin LLTP tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan ở Trung ương và giữa các cơ quan ở địa phương (Sở Tư pháp, Công an, Tòa án, Viện kiểm sát tỉnh/thành phố). Ngoài ra, triển khai công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an tại Thông báo kết

luận số 02/TB-BCA-BTP ngày 23/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công tác phối hợp năm 2017 và các năm tiếp theo, Trung tâm LLTP quốc gia phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát (C53), Bộ Công an ký Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

Như vậy, Luật LLTP và các văn bản hướng dẫn thi hành cơ bản đã quy định đầy đủ trách nhiệm của các Bộ, ngành, các cơ quan liên quan trong việc cung cấp thông tin LLTP về án tích cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP nói chung và Sở Tư pháp tỉnh/thành phố nói riêng.

Tuy nhiên, để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình cung cấp thông tin LLTP về án tích của các cơ quan liên quan như kiến nghị nêu trên, về phía Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc Bộ, ngành mình triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật về LLTP. Mặt khác, đề nghị UBND tỉnh/thành phố tiếp tục chỉ đạo đối với cơ quan Công an và đề nghị cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát tại địa phương thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về LLTP, bảo đảm các cơ quan này cung cấp thông tin LLTP về án tích đầy đủ cho Sở Tư pháp để xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có các giải pháp nhằm hạn chế việc trễ hẹn khi tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp đảm bảo thống nhất về thời gian giải quyết theo Quy chế, bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp do Bộ Tư pháp ban hành và bộ thủ tục hành chính công bố tại các địa phương (UBND tỉnh Hà Nam)

- Đề nghị Bộ Tư pháp (Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia) thực hiện việc tra cứu, xác minh thông tin đảm bảo thời gian để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp kịp thời. Các trường hợp có án tích đã lâu đề nghị hỗ trợ địa phương xác minh để cấp Phiếu đúng hạn cho đương sự (UBND tỉnh Sóc Trăng)

- Việc tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia - Bộ Tư pháp và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát - Bộ Công an về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp còn một số hạn chế, vướng mắc, việc trả kết quả tra cứu của Trung tâm Lý lịch tư pháp

quốc gia còn chậm so với thời hạn quy định, ảnh hưởng đến việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân (UBND tỉnh Đồng Tháp)

Trả lời:

Để giải quyết tình trạng chậm thời hạn cấp Phiếu LLTP, trên cơ sở thống nhất giữa Lãnh đạo Bộ Tư pháp và Lãnh đạo Bộ Công an, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát (nay là Cục Hồ sơ nghiệp vụ), Bộ Công an ký Quy chế số 02/QCPH-TLLTPQG-C53 phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP (gọi tắt là Quy chế số 02) để hỗ trợ Sở Tư pháp của 63/63 tỉnh/thành phố tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP. Theo giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin tại Quy chế này, Sở Tư pháp tỉnh/thành phố gửi Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP đến đồng thời 3 cơ quan: Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ tư pháp - Cục Hồ sơ nghiệp vụ (V06), Bộ Công an - Phòng Hồ sơ công an tỉnh tại địa phương (PV06) để 3 cơ quan cùng tra cứu tại Cơ sở dữ liệu của mình. Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia có trách nhiệm tích hợp kết quả của V06 và PV06 với kết quả tra cứu của Trung tâm để trả lời Sở Tư pháp trong thời hạn 5 ngày làm việc, những trường hợp phức tạp như đã từng bị kết án, có tiền sự... thời hạn là 09 ngày làm việc. Như vậy, khi thực hiện theo Quy chế số 02, Trung tâm LLTP quốc gia phối hợp với V06 và PV06 trả kết quả sớm hơn với thời hạn Luật định. Tuy nhiên, hiện nay, theo thống kê thì vẫn còn một tỷ lệ nhỏ, khoảng 2 đến 3% còn chậm so với quy định (*trước đây tỷ lệ chậm cấp Phiếu LLTP đến 40%, đặc biệt có tỉnh lên đến 60 - 70%*). Những trường hợp trả kết quả tra cứu, xác minh trễ hạn là những trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu LLTP không khai trung thực về quá trình cư trú, thay đổi thông tin nhân dân, từng bị kết án...; hoặc là những trường hợp khi tra cứu, xác minh thấy rằng đương sự đã từng bị bắt, lập căn cước nhưng chưa rõ kết quả xử lý của các cơ quan tổ tụng.

Tuy nhiên, để giải quyết triệt để tỷ lệ chậm này, ngày 4/7/2019, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia họp, thống nhất với V06 những giải pháp để chấm dứt tình trạng này trong thời gian tới.

Về phía Ủy ban nhân tỉnh: Đề nghị Ủy ban nhân tỉnh cũng có chỉ đạo quyết liệt cho Sở Tư pháp, Công an tỉnh thực hiện nghiêm túc Quy chế số 02 trên đây, bảo đảm việc cấp Phiếu LLTP cho người dân sớm và đúng hạn.

4. Theo Quy chế phối hợp số 02/QC-TLLTPQG-C53 về tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp giữa Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Sở

Tư pháp, V06 Bộ Công an và phòng Hồ sơ, Công an tỉnh thì tất cả các hồ sơ yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp phải gửi đến Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, đồng thời đến Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an và phòng hồ sơ Công an tỉnh. Việc chuyển hồ sơ bằng văn bản điện tử đòi hỏi phải scan hồ sơ nhưng thời gian scan mỗi hồ sơ cũng trải qua nhiều bước, mất nhiều thời gian (có file pdf, excel và file ảnh JPEG). Trong khi đó, mỗi ngày Sở Tư pháp tiếp nhận khoảng 100 hồ sơ yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp, số cán bộ được giao hạn chế, phải kiêm nhiệm các việc nghiệp vụ khác nên khó khăn trong bố trí cán bộ thực hiện scan hồ sơ, chuyển phần mềm như Quy chế đề ra.

Mặt khác, trong thời gian qua, Sở Tư pháp đã thực hiện việc gửi một số hồ sơ theo Quy chế này cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia nhưng thời gian trả lời kết quả chậm, ảnh hưởng đến thời hạn trả kết quả cho công dân. Do đó, kính đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo xem xét lại vấn đề này (UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Trả lời:

Thời gian vừa qua, trong quá trình triển khai Quy chế số 02, theo phản ánh, kiến nghị của một số địa phương về việc chuyển hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP bằng cách scan các thông tin trên Phần mềm tra cứu, xác minh thông tin LLTP, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn các địa phương giảm các giấy tờ khi chuyển hồ sơ yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin. Hiện nay Sở Tư pháp chỉ phải scan một số loại giấy tờ cần thiết cho việc tra cứu, như (1) Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu LLTP; (2) Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu; (3) Phiếu yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin lên Phần mềm tra cứu, xác minh thông tin LLTP. Do đó, hầu hết các Sở Tư pháp tỉnh/thành đều thực hiện việc scan hồ sơ và chuyển lên Phần mềm một cách nhanh chóng, thuận lợi. Trong đó, trung bình mỗi ngày, Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh scan và chuyển hồ sơ lên Phần mềm từ 600 đến hơn 700 hồ sơ, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội từ 300 đến hơn 400 hồ sơ, nhiều tỉnh còn lại có số lượng hồ sơ trong khoảng 100 hồ sơ...

Riêng đối với Sở Tư pháp và Công an tỉnh Hà Tĩnh chưa thực hiện Quy chế số 02.

Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có chỉ đạo Sở Tư pháp và Công an tỉnh thực hiện nghiêm túc Quy chế 02 đã được triển khai theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tư pháp và Lãnh đạo Bộ Công an, đặc biệt, đề nghị Sở Tư pháp chấm dứt việc trích chuyển kinh phí tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP cho

Công an tỉnh, trái với quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin LLTP.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử để hỗ trợ khắc phục tình trạng tồn đọng thông tin lý lịch tư pháp chưa được lập cơ sở dữ liệu tại các Sở Tư pháp (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Đề nghị Bộ Tư pháp có giải pháp xây dựng Đề án giải quyết thông tin án tích còn tồn đọng để phục vụ kịp thời công tác tra cứu, giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP(UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Đối với việc giải quyết thông tin án tích còn tồn đọng, Bộ Tư pháp đang triển khai thí điểm giải pháp tự động hóa trong công tác quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP, (hiện nay tỉnh Bắc Ninh đang triển khai thí điểm giải pháp này). Giải pháp tự động hóa với các tính năng tự động nhập dữ liệu, bảo đảm thông tin LLTP được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu LLTP kịp thời, chính xác Bảo đảm giải quyết triệt để tình trạng tồn đọng thông tin LLTP. UBND thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Sơn La có thể đề nghị Bộ Tư pháp cho thực hiện thí điểm giải pháp tự động hóa công tác quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu LLTP tại địa bàn.

6. Về triển khai Quy chế 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 của Trung tâm LLTPQG và Cục hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát phối hợp tra cứu xác minh thông tin LLTP để cấp Phiếu LLTP (sau đây gọi tắt là Quy chế 02):

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy chế 02, “Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP ... là giải pháp điện tử hóa việc chuyển Hồ sơ yêu cầu tra cứu, xác minh ... và tiếp nhận kết quả tra cứu, xác minh có thông tin lý lịch tư pháp...”, theo đó, việc gửi hồ sơ và nhận kết quả được thực hiện trên môi trường mạng thông qua Phần mềm Hỗ trợ tra cứu xác minh của Trung tâm LLTPQG.

- Theo Công văn số 135/TTLLTPQG ngày 15/3/2019 của Trung tâm LLTPQG: bảo đảm từ ngày 01/4/2019, “63/63 Sở Tư pháp trên toàn quốc thực hiện công tác tra cứu xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP theo đúng quy định tại Quy chế 02”, và “PV06 không nhận hồ sơ yêu cầu tra cứu xác minh thông tin bằng văn bản giấy từ Sở Tư pháp, việc tiếp nhận, tra cứu và trả kết quả hoàn toàn thông qua đường truyền mạng”.

Tuy nhiên tại Khánh Hòa, từ tháng 01/2018 đến nay, Sở Tư pháp và Phòng hồ sơ nghiệp vụ (Công an tỉnh) đã thực hiện ứng dụng giải pháp “điện tử hóa việc chuyển hồ sơ” trong việc gửi hồ sơ và nhận kết quả xác minh hoàn toàn trên đường truyền mạng thông qua Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh⁶, chấm dứt hoàn toàn phương thức chuyển hồ sơ qua đường công văn. Việc tổ chức triển khai thời gian qua đã đi vào ổn định, đảm bảo đúng quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của Chính phủ (giảm bớt thời gian, công sức, chi phí luân chuyển hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn chỉ chiếm 0,1%⁷).

Hiện nay, để giải quyết hồ sơ, công chức đang phải thực hiện thao tác cập nhật xử lý trên 02 Phần mềm khác nhau⁸:

- Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh: thực hiện tiếp nhận hồ sơ, scan lưu dữ liệu TTHC đầu vào lên Phần mềm; cập nhật xử lý các bước giải quyết TTHC theo quy trình nội bộ cho đến khi giao trả kết quả kết thúc quy trình⁹. Theo Phần mềm này, các cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong quy trình giải quyết thuộc Sở Tư pháp và Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh phải thực hiện cập nhật sau khi hoàn thành bước xử lý. Bên cạnh đó, người yêu cầu cấp Phiếu LLTP có thể sử dụng mã hồ sơ được cấp để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trên Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh (hồ sơ đang được giải quyết đến bước nào? Ở cơ quan nào?...).

- Phần mềm LLTP dùng chung: thực hiện nhập tiếp nhận yêu cầu cấp Phiếu; in Phiếu yêu cầu xác minh; cập nhật kết quả tra cứu xác minh từ các cơ quan liên quan; tổng hợp tình trạng án tích; in Phiếu LLTP.

Như vậy, nếu triển khai Quy chế 02, công chức giải quyết TTHC sẽ phải thực hiện thao tác, cập nhật xử lý hồ sơ cùng lúc trên 03 Phần mềm (thêm Phần mềm Hỗ trợ tra cứu xác minh của Trung tâm LLTPQG). Điều này dẫn đến khối lượng công việc tăng lên, gây quá tải khi thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là trong bối cảnh

⁶ Một Phần hệ của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa.

⁷ Năm 2018, chỉ 14 hồ sơ trễ hẹn, trong đó 13 trường hợp do việc cung cấp biểu mẫu LLTP không kịp thời; 01 trường hợp do Tòa án quân sự trả lời kết quả xác minh chậm; 06 tháng đầu năm 2019 không có hồ sơ trễ hẹn.

⁸ Hiện nay vẫn chưa có giải pháp kết nối giữa Phần mềm của địa phương và Phần mềm của Bộ Tư pháp. Do đó, cùng một nội dung thông tin của hồ sơ nhưng công chức phải thực hiện nhập 02 lần vào 02 Phần mềm khác nhau.

⁹ Quy trình nội bộ được xây dựng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Theo đó, quy trình nội bộ phải được xây dựng trên cơ sở TTHC đã được công bố.

thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, không được phép điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp hỗ trợ, không được sử dụng lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn như hiện nay. Số lượng hồ sơ phát sinh nhiều, có xu hướng gia tăng, trong khi đó biên chế bố trí cho công tác LLTP (bao gồm: công tác xây dựng cơ sở dữ liệu; công tác cấp Phiếu LLTP) là 01 người.

Qua nghiên cứu đánh giá hiệu quả thực hiện cho thấy, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin đang thực hiện tại Khánh Hòa đã đáp ứng mục đích, yêu cầu của Quy chế 02. Do đó, để giảm tải khối lượng công việc, trước mắt, đề nghị Bộ Tư pháp cho phép các địa phương đã ứng dụng giải pháp “điện tử hóa việc chuyển hồ sơ” trong việc gửi hồ sơ và nhận kết quả xác minh giữa Sở Tư pháp và Phòng hồ sơ nghiệp vụ (thông qua Phần mềm một cửa điện tử của địa phương) tạm thời chưa triển khai Quy chế 02 (thông qua Phần mềm của Trung tâm LLTPQG) cho đến khi có giải pháp kỹ thuật (kết nối các Phần mềm giữa Trung ương và địa phương) đảm bảo mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giảm bớt thời gian, công sức, nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ (UBND tỉnh Khánh Hòa)

Trả lời:

Quy chế số 02 được xây dựng trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Công an và Lãnh đạo Bộ Tư pháp, theo đúng tinh thần tại Điều 47 Luật Lý lịch tư pháp và Điều 25 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, theo đó: đối với thông tin có trước ngày 01/7/2010 sẽ tra cứu tại Cơ sở dữ liệu của ngành Công an, đối với thông tin có sau ngày 01/7/2010 sẽ tra cứu tại Cơ sở dữ liệu của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp. Việc chỉ tra cứu thông tin để cấp Phiếu LLTP tại cơ quan Công an là không đúng quy định. Ngoài ra, theo báo cáo sơ kết triển khai Quy chế số 01 thấy rằng: hầu hết hiện nay Sở Tư pháp hoàn toàn căn cứ vào Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu LLTP để xác định trường hợp nào cư trú 01 nơi, trường hợp nào cư trú nhiều nơi để phân loại gửi tra cứu, xác minh thông tin. Trên thực tế, nhiều trường hợp khi làm Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu, người yêu cầu cấp Phiếu không ghi hoặc che dấu những nơi đã từng cư trú mà chỉ khai 1 nơi cư trú nhằm mục đích làm Phiếu LLTP nhanh hơn hoặc che dấu quá trình phạm tội ở địa phương khác. Nhiều trường hợp tra cứu ở địa phương không có hồ sơ, tài liệu nhưng khi tra cứu tại V06 hoặc Trung tâm thì có tài liệu phạm tội ở nơi khác; trường hợp đương sự bị Tòa án tuyên trước thời điểm 01/7/2010 nhưng quá trình thi hành án sau thời điểm này, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp đã lập LLTP.

Do đó, bên cạnh việc hỗ trợ các Sở Tư pháp cấp Phiếu LLTP bảo đảm sớm và đúng thời hạn, Quy chế 02 còn là giải pháp thực hiện nhiệm vụ của Bộ luật hình sự 2015 giao cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP (Trung tâm LLTP quốc gia và các Sở Tư pháp) cấp Phiếu LLTP cho các trường hợp đương nhiên được xóa tích đối với việc xác minh hành vi phạm tội mới, đặc biệt sự chính xác của nội dung Phiếu LLTP (*thực tế sau 3 tháng triển khai Quy chế 02, Trung tâm tích hợp kết quả của Cục Hồ sơ nghiệp vụ và Phòng Hồ sơ nghiệp vụ thì hầu hết trường hợp phạm tội ở ngoài tỉnh thì Phòng Hồ sơ nghiệp vụ không có thông tin*).

Hơn nữa, theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin LLTP, Sở Tư pháp trích chuyển kinh phí tra cứu, xác minh cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ thông qua Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia. Vì vậy, để có căn cứ nhận kinh phí này cũng nhưng trích chuyển cho Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ (Cục Hồ sơ nghiệp vụ và Phòng Hồ sơ nghiệp vụ), Sở Tư pháp phải chuyển Hồ sơ lên Phần mềm theo quy định của Quy chế 02 để Trung tâm rà soát, đối chiếu và trích chuyển.

7. Khoản 3 Điều 5 Thông tư 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước quy định đối với thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, người dân có thể nộp, gửi hồ sơ trực tuyến đến cơ quan cung cấp dịch vụ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính. Đồng thời, quy định pháp luật về xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả, làm lộ bí mật đời tư của cá nhân..., liên quan đến lý lịch tư pháp cũng đã được ban hành từ lâu, điều chỉnh các hành vi vi phạm trong thực tiễn nếu có. Đặc biệt ở Khánh Hòa, nếu người dân nộp hồ sơ trực tuyến trên Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến thì mỗi người dân chỉ được cấp duy nhất một tài khoản người dùng, đảm bảo được tính bảo mật thông tin của người nộp thủ tục hành chính. Công tác phối hợp giữa Sở Tư pháp và Công an tỉnh trong việc xác minh lý lịch tư pháp được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng từ ngày 01/01/2018 đến nay.

Do đó, để thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, Sở Tư pháp kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu phương án cho phép người dân khi nộp hồ sơ lý lịch

tư pháp trực tuyến mức độ 3 có thể nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính mà không phải gửi hồ sơ gốc đến Sở Tư pháp (UBND tỉnh Khánh Hòa)

Trả lời:

Theo Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018 – 2019, Sở Tư pháp có nhiệm vụ cấp Phiếu LLTP đáp ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, theo đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là: *dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc qua dịch vụ bưu chính”.*

Như vậy, việc gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP hoàn toàn có căn cứ thực hiện; nộp phí cung cấp thông tin LLTP có thể trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính. Riêng đối với việc trả kết quả cấp Phiếu LLTP, do đặc thù của thông tin LLTP là bí mật đời tư được pháp luật bảo vệ, nên để xác thực chính xác người gửi hồ sơ trực tuyến có đúng là người được cấp Phiếu LLTP hay không thì Sở Tư pháp phải trả trực tiếp kết quả cho người được cấp Phiếu LLTP. Khi đến nhận kết quả, cá nhân phải mang giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu) bản chính để Sở Tư pháp xác thực và trả kết quả, không phải nộp cho Sở Tư pháp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP bản giấy.

Trường hợp cá nhân có yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì hướng dẫn cho người dân thực hiện nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP theo thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính. Không thực hiện việc nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm triển khai sửa đổi, bổ sung Luật LLTP và các văn bản có liên quan theo hướng quy định việc đương nhiên xóa án tích là một thủ tục hành chính, cần tách biệt với thủ tục cấp Phiếu LLTP, theo đó thời hạn đương nhiên xóa án tích quy định phù hợp thực tế, quy định về cơ chế cụ thể bảo đảm cho việc phối hợp cung cấp thông tin LLTP của các cơ quan có liên quan được nhanh chóng, thuận lợi (UBND thành phố Hồ Chí Minh)

- Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung về thời hạn cấp Phiếu LLTP đối với trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích quy định tại Khoản 1, Điều 48 Luật LLTP theo hướng: “1. Thời hạn cấp Phiếu LLTP không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật này thì thời hạn không quá 15 ngày; trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật này thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 25 ngày” (UBND tỉnh Phú Yên)

- Đề nghị tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng thể chế về LLTP, trong đó chú trọng đến việc rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan đến LLTP. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm nghiên cứu, sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về LLTP phù hợp với thực tiễn công tác LLTP hiện nay và lộ trình thực hiện Chiến lược phát triển LLTP đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (UBND tỉnh Yên Bái).

- Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu trình Chính phủ đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật LLTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, để phù hợp với các quy định của Bộ Luật hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 Đồng thời trình Chính phủ ban hành quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành có liên quan đối với việc xác minh và trả lời kết quả xác minh thông tin trong bản án, như chấp hành xong hình phạt, án phí, có phạm tội mới trong thời hạn quy định,... để thực hiện việc xóa án tích cho công dân theo đúng quy định (UBND tỉnh Đồng Tháp)

- Theo quy định tại Điều 369 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Tòa án chỉ cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho các trường hợp người bị kết án về các tội được quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật Hình sự năm 2015, các tội khác giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và cấp Phiếu LLTP khi có yêu cầu. Luật LLTP chưa quy định về trình tự, thời gian, hồ sơ và cơ chế phối hợp xác

minh trong trường hợp này; việc xác minh xóa án tích phải xác minh tại nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau dẫn tới việc thụ lý hồ sơ, cấp Phiếu LLTP cho các trường hợp này không bảo đảm thời gian theo quy định. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật LLTP và các văn bản có liên quan. Trước mắt cần có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 369 Bộ luật Tố tụng hình sự để khắc phục triệt để tình trạng cấp Phiếu LLTP chậm hện cho các trường hợp trên (UBND tỉnh Lạng Sơn)

- Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu cho Chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật LLTP và văn bản hướng dẫn thi hành cho thống nhất, phù hợp với các quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật Phí, lệ phí năm 2015... về xóa án tích, xác minh điều kiện được xóa án tích, thời hạn cấp Phiếu LLTP trong Luật LLTP... Đề nghị Bộ Tư pháp sớm thay đổi quy định về đối tượng cấp phiếu LLTP số 2, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và việc tái hòa nhập cộng đồng đối với người bị kết án. Nên thống nhất chỉ sử dụng một loại phiếu LLTP có nội dung như Phiếu LLTP số 1 hiện nay. Bên cạnh đó, bổ sung quy định quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị, xã hội nếu pháp luật liên quan có quy định để các cơ quan, tổ chức này thực hiện nhiệm vụ của mình. Bổ sung quy định đối tượng quản lý LLTP là pháp nhân thương mại phạm tội (STP Bà Rịa- Vũng Tàu);

- Quy định về thời hạn cấp Phiếu như hiện nay (không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, phức tạp không quá 15 ngày) là rất khó để đảm bảo thực hiện trong điều kiện Cơ sở dữ liệu LLTP đang trong quá trình xây dựng nên để cấp Phiếu, Sở Tư pháp phải phối hợp với nhiều cơ quan để có đủ thông tin và căn cứ cấp Phiếu theo yêu cầu. Nhất là, các trường hợp có án tích, phải phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên xóa án tích, gây khó khăn cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cho cả người dân. Việc xác minh trong trường hợp này thường kéo dài do chờ kết quả phản hồi của các cơ quan phối hợp. Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 48 Luật LLTP theo hướng tách riêng thời hạn giải quyết đối với trường hợp có án tích, cần phải xác minh về điều kiện đương nhiên xóa án tích (UBND tỉnh Bến Tre)

- Theo quy định, Phiếu LLTP cấp cho công dân có 02 loại Phiếu nên gây khó khăn cho người dân trong việc xác định loại Phiếu cần sử dụng, rất nhiều trường hợp đã yêu cầu cấp Phiếu số 1 sau đó đổi lại Phiếu số 2 và ngược lại. Mặt khác, do

từ ngữ giải thích về loại Phiếu là thuật ngữ chuyên ngành, công dân không thể hiểu, do đó, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải giải thích rõ cho từng trường hợp yêu cầu để người dân hiểu, dẫn đến việc bị động trong công tác tiếp nhận hồ sơ do lượng hồ sơ yêu cầu rất nhiều. Song song đó, quy định công dân có quyền yêu cầu cấp Phiếu số 02 để biết được nội dung về LLTP của mình cũng phát sinh nhiều bất cập; quy định này nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cá nhân. Tuy nhiên, do nội dung xác nhận tình trạng án tích ghi đầy đủ tình trạng án tích (bao gồm cả án tích đã được xóa) nên một số cơ quan đã lạm dụng quy định này, yêu cầu cá nhân phải nộp Phiếu số 02 khi làm các thủ tục (xin thị thực nhập cảnh, đăng ký kết hôn, bỏ túc hồ sơ làm việc...) để nắm rõ thông tin nhân thân, tình trạng lý lịch; một số trường hợp bị từ chối cấp thị thực do từng bị kết án mặc dù án tích đã được xóa. Điều này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong khi đó, để chứng minh cá nhân có hay không có án tích để tham gia vào giao dịch thì nội dung của Phiếu số 01 cũng đủ để đáp ứng. Về thủ tục yêu cầu cấp Phiếu không có quy định nộp hoặc xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ để ghi thông tin trong Phiếu. Tuy nhiên, nội dung Phiếu số 02 ghi thông tin về họ tên cha, mẹ, vợ hoặc chồng nên gây khó khăn cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Nếu yêu cầu cung cấp giấy tờ chứng minh để ghi quan hệ cha, mẹ, vợ/chồng thì làm phát sinh thủ tục, không đúng quy định; nếu chỉ căn cứ vào Tờ khai thì cơ quan cấp Phiếu mặc nhiên thừa nhận các mối quan hệ về nhân thân của người được cấp Phiếu, trong khi đó, thông tin do người dân cung cấp không chính xác nhưng không có cơ sở kiểm chứng, nhiều trường hợp con ngoài giá thú nhưng khai thông tin về người cha hoặc chưa đăng ký kết hôn nhưng khai thông tin về người chồng/vợ... Người dân sử dụng Phiếu để thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo tại các cơ quan khác thì phát hiện sai thông tin. Do đó, khá nhiều trường hợp trở lại Sở Tư pháp yêu cầu cấp lại Phiếu theo giấy tờ thể hiện mối quan hệ. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu, đề xuất sửa đổi Luật LLTP theo hướng chỉ cấp một loại Phiếu và nội dung Phiếu không ghi họ tên cha, mẹ, vợ/chồng (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Thực hiện Nghị quyết số 22/2016/QH14 ngày 29/7/2016 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016 và Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2017, Nghị quyết số 34/2017/QH14 về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2017, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự

án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật LLTP. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật LLTP tập trung sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm cập nhật các quy định mới được ban hành sau Luật LLTP hiện hành, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của Luật LLTP với các văn bản pháp luật khác có liên quan, đặc biệt là chế định đương nhiên xóa án tích quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; bỏ quy định về cấp Phiếu LLTP số 2 cho cá nhân, đồng thời bổ sung quy định về cung cấp thông tin LLTP theo yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao chất lượng của Cơ sở dữ liệu LLTP nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới... Những đề xuất, kiến nghị của UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trên đây đã được thể hiện tại dự thảo Luật sửa đổi này.

Tuy nhiên, Ủy ban Tư pháp có Báo cáo thẩm tra số 791/BC-UBTP14 ngày 03/8/2017, trong đó, Ủy ban Tư pháp cho rằng do Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi căn bản với việc bổ sung quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, vì vậy việc nghiên cứu, bổ sung quy định về án tích của pháp nhân thương mại vào dự thảo Luật là yêu cầu bắt buộc. Trong khi đó các thông tin về tình trạng thi hành án đối với pháp nhân thương mại và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong việc cung cấp thông tin về thi hành án phải được quy định trong Luật Thi hành án hình sự. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Tư pháp, để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, ngày 07/9/2017, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 378/TTr-CP về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật LLTP Chính phủ đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép lùi thời hạn trình dự án Luật này.

Hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án hình sự được thông qua, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật LLTP vào thời điểm thích hợp.

Tuy nhiên, trước mắt, để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nêu trên để khắc phục tình trạng chậm cấp Phiếu LLTP, Trung tâm LLTP quốc gia có Công văn số 558/TTLTPQG-HCTH ngày 26/12/2018 về việc hướng dẫn nghiệp vụ LLTP, theo đó Công văn này đã hướng dẫn cụ thể về những thủ tục cấp Phiếu cho đối tượng đương nhiên được xóa án tích, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Phiếu LLTP cho trường hợp đương nhiên được xóa án tích; nghiệp vụ tra cứu, xác minh thông tin LLTP, nghiệp vụ xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích ... trong một số trường hợp đặc biệt.

Đặc biệt, để đảm bảo đúng thời hạn cấp Phiếu LLTP cho người dân cũng như giúp cho các Sở Tư pháp trong các trường hợp xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích, xác minh hành vi phạm tội mới, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an xây dựng Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Theo đó, Sở Tư pháp sẽ không cần phải phân loại hồ sơ, tiến hành tra cứu đồng thời tại 03 cơ quan: Trung tâm LLTP quốc gia - Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an – Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh trên đường truyền mạng qua Phần mềm Hỗ trợ tra cứu, xác minh, thông tin để cấp Phiếu LLTP. V06, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ có trách nhiệm trả lời kết quả trong thời hạn 5 ngày làm việc, trường hợp có thông tin đến việc khởi tố, kết án thì thời hạn 09 ngày làm việc và cung cấp các bản photo các tài liệu có liên quan như bản án, quyết định thi hành án, Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù..., bảo đảm độ chính xác của thông tin, qua đó giúp cho Sở Tư pháp trả kết quả sớm hoặc đúng thời hạn cấp Phiếu LLTP, rút ngắn thời hạn cấp Phiếu LLTP theo tinh thần cải cách hành chính của địa phương.

Mặt khác, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố tiếp tục chỉ đạo đối với cơ quan Công an và đề nghị cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát tại địa phương thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về LLTP, bảo đảm các cơ quan này cung cấp thông tin LLTP về án tích đầy đủ cho Sở Tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP; đặc biệt chỉ đạo Sở Tư pháp và Công an tỉnh phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia trong triển khai thực hiện Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp và Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, thu hẹp đối tượng bị coi là có án tích, vì khoản 2 Điều 69 và Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 05 trường hợp người bị kết án không bị coi là có án tích (STP Bà Rịa- Vũng Tàu)

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 69 và Điều 107 của Bộ luật Hình sự 2015 thì có 05 trường hợp không bị coi là có án tích bao gồm:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị kết án;
- Người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội

phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;

- Người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

- Người đã thành niên bị kết án do lỗi vô ý về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng.

- Người được miễn hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật LLTP “*LLTP được lập trên cơ sở bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật*”. Ngoài ra, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP có trách nhiệm cấp Phiếu LLTP số 2 cho cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy, Trung tâm LLTP quốc gia và Sở Tư pháp vẫn có trách nhiệm xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP đối với cả những trường hợp nêu trên và cung cấp đầy đủ thông tin về bản án, quá trình thi hành án khi có yêu cầu.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp trao đổi với Bộ Tài chính để bổ sung đối tượng là học sinh trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi được miễn, giảm phí cung cấp thông tin LLTP vào Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (STP Bà Rịa- Vũng Tàu)

Trả lời:

Hiện nay, Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc miễn phí cung cấp thông tin LLTP cho trẻ em dưới 16 tuổi (khoản 1 Điều 5) và giảm 50% phí cung cấp thông tin LLTP cho sinh viên (Điều 4) mà chưa miễn, giảm phí cung cấp thông tin LLTP cho học sinh trên 16 tuổi. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung nội dung trên khi sửa đổi Thông tư số 244/2016/TT-BTC.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLV-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 về hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp cho phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế hiện nay.

Ngoài ra, xem xét sửa đổi khoản 1 Điều 26 Luật Lý lịch tư pháp là “Sở Tư pháp nơi người bị kết án thường trú lập Lý lịch tư pháp của người đó; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì Tòa án xét xử gửi bản án về Trung tâm Lý

lich tư pháp quốc gia lập, theo dõi” thay cho quy định hiện hành, kịp thời khắc phục khó khăn trong việc tra cứu, xác minh thông tin Lý lịch tư pháp, từ đó dẫn đến tính thiếu chính xác trong các thông tin về án tích (trong thời gian vừa qua có một số trường hợp tra cứu của Trung tâm Lý lịch tư pháp là không có án tích, nhưng Sở Tư pháp lại được công dân cung thông tin về án tích...) và không đảm bảo thời hạn cấp phiếu cho công dân khi có yêu cầu (STP Bà Rịa- Vũng Tàu)

Trả lời:

Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp là cơ quan quản lý CSDL LLTP, có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, xử lý thông tin LLTP, còn các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an... là những cơ quan phối hợp, có trách nhiệm cung cấp, tra cứu, xác minh thông tin LLTP. Việc kiểm tra, phân loại, cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền lập LLTP cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp với những nghiệp vụ đặc thù. Trường hợp, giao cho cơ quan tòa án phân loại cung cấp sẽ gây khó khăn cho cơ quan tòa án trong việc bảo đảm cung cấp thông tin theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, để đảm bảo thông tin LLTP được cung cấp đều đặn, thường xuyên, định kỳ, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp cung cấp, rà soát thông tin giữa với các cơ quan trên cùng địa bàn sẽ gặp thuận lợi hơn so với sự phối hợp giữa các cơ quan ở các tỉnh khác nhau.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, hỗ trợ địa phương trong việc cung cấp hồ sơ lưu để tra cứu, xác minh cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp (Đồng chí Ngô Anh Tuấn, Giám đốc STP Tp. Hà Nội)

Trả lời:

Trong thời gian qua, triển khai thi hành Luật LLTP đặc biệt là triển khai quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015, giao cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP (Trung tâm LLTP quốc gia và các Sở Tư pháp) cấp Phiếu LLTP cho các trường hợp đương nhiên được xóa án tích, bên cạnh những kết quả nhất định vẫn còn một số khó khăn trong việc xác minh các điều kiện đương nhiên được xóa án tích cũng như xác minh những người từng bị kết án. Đặc biệt là các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát do một số lý do khách quan cũng như chủ quan không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời các bản án, các quyết định có liên quan đến việc thi hành bản án theo quy định, gây rất nhiều khó khăn cho Sở Tư pháp trong công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho các trường hợp nêu trên.

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trên, Trung tâm LLTP quốc gia, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an ký Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2019 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP. Trong đó, Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an và Phòng Hồ sơ Công an tỉnh/thành phố có trách nhiệm cung cấp bản án, quyết định có liên quan (nếu có) trong trường hợp kết quả tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP tại cơ quan Công an thấy rằng đương sự bị kết án bởi bản án có hiệu lực pháp luật. Quy định này nhằm giảm thủ tục hành chính, giảm thời gian tra cứu tại các cơ quan liên quan khác của Sở Tư pháp, bảo đảm thời hạn cấp Phiếu LLTP cho công dân.

Tuy nhiên, do Quy chế số 02 mới thực hiện trong thời gian ngắn (01/4/2019), Trung tâm LLTP quốc gia và Cục Hồ sơ nghiệp vụ chủ yếu tập trung vào công tác triển khai và bảo đảm thời hạn trả kết quả cho Sở Tư pháp; việc khai thác, cung cấp bản án, các quyết định liên quan cho Sở Tư pháp vẫn còn nhiều hạn chế. Trong thời gian tới, Trung tâm sẽ phối hợp với V06, PV06 bảo đảm thực hiện quy định nêu trên.

Mặt khác, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc Bộ, ngành mình triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật về LLTP. Đặc biệt, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để có giải pháp đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin án tích bằng văn bản giấy đối với trường hợp kết quả tra cứu, xác minh thông tin có án tích.

Về phía các Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố tiếp tục chỉ đạo đối với cơ quan Công an, cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát tại địa phương thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về LLTP, bảo đảm các cơ quan này cung cấp thông tin LLTP về án tích đầy đủ cho Sở Tư pháp để xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP và cấp Phiếu LLTP.

13. Đề nghị Bộ Tư pháp cần quy định thủ tục hành chính độc lập trong việc xóa án tích, độc lập với thủ tục hành chính cấp Phiếu LLTP (Đồng chí Ngô Anh Tuấn, Giám đốc STP Tp. Hà Nội)

Trả lời:

Căn cứ Khoản 4 Điều 70 Bộ luật Hình sự 2015 “*Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có*

án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này”, theo đó, đối với trường hợp người bị kết án đương nhiên được xóa án tích có yêu cầu xóa án tích thì cấp Phiếu LLTP theo quy định. Như vậy, theo quy định của Luật LLTP và Bộ luật Hình sự 2015, không có 02 thủ tục hành chính độc lập trong việc xóa án tích với cấp Phiếu LLTP. Trường hợp cá nhân đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu LLTP cấp Phiếu LLTP số 1 có nội dung là: Không có án tích. Mục đích là bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người dân, đặc biệt là người đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích được tái hòa nhập cộng đồng.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp triển khai thực hiện nộp phí cấp Phiếu LLTP qua tài khoản để tiết kiệm cho người dân, cơ quan (Đồng chí Ngô Anh Tuấn, Giám đốc STP Tp. Hà Nội)

Trả lời:

Theo Kế hoạch năm 2019, Bộ Tư pháp sẽ xây dựng Quy trình thực hiện thí điểm cấp Phiếu LLTP đáp ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại một số Sở Tư pháp. Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, *dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng”*. Như vậy, trường hợp Sở Tư pháp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong lĩnh vực LLTP, người dân yêu cầu cấp Phiếu LLTP sẽ đăng ký yêu cầu cấp Phiếu qua mạng trực tuyến, được thanh toán phí cung cấp thông tin LLTP qua tài khoản và nhận kết quả trực tiếp.

Đồng thời, trên cơ sở khảo sát điều kiện, tình hình thực tế của từng địa phương, Bộ Tư pháp sẽ xây dựng Quy trình triển khai thí điểm phương thức cấp Phiếu LLTP đáp ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong đó hướng dẫn cụ thể việc nộp phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua tài khoản để áp dụng thực hiện tại một số Sở Tư pháp có đủ điều kiện trong thời gian tới.

15. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, quy định mã Phiếu LLTP để phân biệt các Phiếu LLTP được cấp giữa các địa phương (Đồng chí Ngô Anh Tuấn, Giám đốc STP Tp. Hà Nội)

Trả lời:

Việc quy định mẫu Phiếu LLTP được quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-BTP

ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ LLTP, theo đó với Phiếu LLTP số 1 (mẫu số 06/2013/TT-BTP) và Phiếu LLTP số 2 (mẫu số 07/2013/TT-BTP) không quy định mã Phiếu LLTP giữa các địa phương. Tuy nhiên, để phân biệt địa phương cấp, tại tiêu đề cũng như cơ quan ký Phiếu LLTP đã thể hiện đầy đủ và xác định được nơi cấp, địa phương cấp. Ngoài ra, để đảm bảo tính thống nhất, giá trị sử dụng chung trong toàn quốc cũng như quốc tế đối với Phiếu LLTP, việc quy định mã Phiếu LLTP là không cần thiết.

16. Đề nghị sửa đổi Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật LLTP và văn bản hướng dẫn để bảo đảm thống nhất (Đồng chí Cù Đức Thuận, Giám đốc STP tỉnh Nam Định)

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Nam Định, theo đó sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật LLTP được thông qua, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo phù hợp với Luật LLTP được sửa đổi và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến LLTP.

17. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính để có quy định, hướng dẫn về mức thu phí, phân bổ mức thu phí giữa hoạt động xóa án tích với cấp Phiếu LLTP (Đồng chí Cù Đức Thuận, Giám đốc STP tỉnh Nam Định)

Trả lời:

Hiện nay, Bộ luật Hình sự 2015 và Luật LLTP chỉ quy định 1 loại thủ tục hành chính là cấp Phiếu LLTP. Đối với trường hợp người bị kết án được đương nhiên xóa án tích thì đề nghị cấp Phiếu LLTP. Vì vậy, mức thu phí, phân bổ mức thu phí của hoạt động xóa án tích cũng như cấp Phiếu LLTP được thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin LLTP.

18. Tăng cường công tác bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ nhất là nghiệp vụ xác minh, cung cấp thông tin LLTP cho địa phương (Đồng chí Cù Đức Thuận, Giám đốc STP tỉnh Nam Định)

Trả lời:

Ngay sau khi Luật LLTP năm 2009 được ban hành, tính đến thời điểm hiện tại, Bộ Tư pháp đã tổ chức 04 lớp đào tạo nghiệp vụ LLTP cho công chức, viên chức làm công tác LLTP tại Trung tâm LLTP quốc gia và các Sở Tư pháp trên toàn quốc với hơn 150 học viên; tổ chức 08 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ LLTP, 06 lớp tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý LLTP. Gần đây nhất, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 lớp tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Hình sự 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 cho cán bộ làm công tác LLTP vào ngày 20-21/9/2018 (lớp miền Bắc) và ngày 27-28/9/2018 (lớp miền Nam). Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn thực hiện công tác LLTP tại các Sở Tư pháp trong giai đoạn hiện nay, theo Kế hoạch năm 2019, Bộ Tư pháp tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ LLTP cho cán bộ làm công tác LLTP của 63 Sở Tư pháp. Dự kiến lớp tập huấn diễn ra vào tháng 10/2019. Đối với cán bộ làm trực tiếp đến công tác LLTP tại cơ quan cung cấp thông tin, Bộ Tư pháp sẽ cân nhắc tổ chức thêm lớp tập huấn nghiệp vụ LLTP trong thời gian tới.

19. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm nghiên cứu để đồng bộ Cơ sở dữ liệu LLTP trước ngày 01/01/2015 (Đồng chí Nguyễn Tấn Nhứt, Phó Giám đốc STP tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Để đảm bảo việc xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP tại Trung tâm LLTP quốc gia và Sở Tư pháp được chính xác, đồng bộ, ngày 12/4/2016, Giám đốc Trung tâm LLTP quốc gia đã ký Quyết định số 17/QĐ-TTLLTPQG ban hành Kế hoạch đồng bộ dữ liệu LLTP giữa Cơ sở dữ liệu LLTP của Trung tâm LLTP quốc gia với Cơ sở dữ liệu LLTP của 63 Sở Tư pháp, theo đó, tại giai đoạn 1, Trung tâm LLTP quốc gia đã tiến hành rà soát, đề nghị Sở Tư pháp cung cấp bản LLTP còn thiếu theo đường điện tử cho Trung tâm LLTP quốc gia; ngoài ra Trung tâm LLTP quốc gia cũng đã đề nghị Sở Tư pháp kiểm tra, chỉnh sửa thông tin nhân thân có sai sót trong bản LLTP đã lập tại Cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp và tự chỉnh sửa thông tin có sai sót tại Cơ sở dữ liệu LLTP tại Trung tâm. Hiện nay, việc đồng bộ giai đoạn 1 đã hoàn thành. Năm 2019, theo Kế hoạch, Trung tâm LLTP quốc gia sẽ tiến hành đồng bộ giai đoạn 2 (đồng bộ về mặt nội dung) đối với những bản LLTP Sở Tư pháp cung cấp bằng văn bản giấy cho Trung tâm LLTP quốc gia. Dự kiến, công tác đồng bộ hóa dữ liệu giai đoạn 2 sẽ thực hiện vào Quý III/2019.

20. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục tăng cường công tác phối hợp với các Ngành ở Trung ương để tăng cường công tác phối hợp; có giải pháp đối với các trường hợp bản án do Tòa án ngoài tỉnh xét xử, khi Sở Tư pháp có yêu cầu thì không nhận được thông tin hoặc thông tin rất chậm, khó khăn trong việc xây dựng Cơ sở dữ liệu (Đồng chí Nguyễn Tấn Nhứt, Phó Giám đốc STP tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Theo quy định của Luật LLTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, đối với thông tin có sau 01/7/2010, cơ quan có liên quan có nhiệm vụ cung cấp thông tin LLTP cho Sở Tư pháp nơi cơ quan đó đóng trụ sở. Trên cơ sở kiểm tra, phân loại thông tin, Sở Tư pháp sẽ thực hiện cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp có thẩm quyền lập LLTP. Vì vậy, đối với bản án do Tòa án ngoài tỉnh xét xử sau ngày 01/7/2010, đề nghị Sở Tư pháp có văn bản với Sở Tư pháp nơi Tòa án xét xử đóng trụ sở để phối hợp cung cấp thông tin.

Đối với thông tin LLTP có trước ngày 01/7/2010, Sở Tư pháp đang gặp khó khăn khi đề nghị các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin ở ngoài tỉnh (ví dụ: Tòa án) để thực hiện xây dựng CSDL LLTP hoặc tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP, các cơ quan trên không có văn bản trả lời hoặc có văn bản trả lời chậm thời hạn, dẫn đến quá hạn trong việc cấp Phiếu LLTP. Trên cơ sở những khó khăn trên, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu các giải pháp để khắc phục tình trạng nêu trên, cụ thể: **(1)** Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an xây dựng Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2019 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP, trong đó đã đề nghị cơ quan Công an cung cấp bản án, quyết định có liên quan (nếu có) trong trường hợp kết quả tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP tại cơ quan Công an thấy rằng đương sự bị kết án bởi bản án có hiệu lực pháp luật; **(2)** Trên cơ sở tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trên, Trung tâm LLTP quốc gia đã tham mưu Bộ Tư pháp làm việc với Tòa án nhân dân tối cao và Bộ, ngành có liên quan khác để đưa ra giải pháp khắc phục, có sự chỉ đạo ngành dọc đối với các cơ quan để đảm bảo việc cung cấp, tra cứu, xác minh thông tin LLTP được nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Dự kiến Bộ Tư pháp sẽ làm việc với Tòa án nhân dân tối cao vào Quý III/2019.

21. *Phần mềm không kết nối được với các thiết bị công nghệ khác (điện thoại... mà chỉ thực hiện được trên máy vi tính), khó khăn trong việc kết nối Phần mềm LLTP với các Phần mềm có liên quan ở địa phương, nhất là Phần mềm tại Trung tâm Dịch vụ hành chính công (Đồng chí Ngô Anh Tuấn, Giám đốc STP Tp. Hà Nội)*

Nghiên cứu, có giải pháp để kết nối phần mềm cấp Phiếu LLTP của Bộ với phần mềm 1 của của địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Tư pháp trong tổ chức thực hiện (Đồng chí Cù Đức Thuận, Giám đốc STP tỉnh Nam Định)

Cơ sở dữ liệu LLTP là phần mềm chuyên ngành, chưa có tích hợp với Phần mềm trung tâm dịch vụ công của tỉnh chưa kết nối được; đề nghị Bộ có chỉ đạo nghiệp vụ phối hợp với địa phương để kết nối, tiết kiệm thời gian, hiệu quả (Đồng chí Ngô Quang Giáp, Giám đốc STP tỉnh Hải Dương).

Trả lời:

Ngày 22/6/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT về việc quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, theo đó, Bộ Tư pháp đã thực hiện kết nối Phần mềm Quản lý LLTP và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử vào hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP) để đáp ứng yêu cầu kết nối từ các Phần mềm khác có liên quan như Phần mềm một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...

Ngày 05/02/2018, Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 72/CNTT-HTTT&CSDL gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc kết nối hệ thống thông tin với Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp qua NGSP.

Ngày 23/02/2018, Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Công văn số 68/THH-HTTT gửi Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc phối hợp triển khai kết nối Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung qua NGSP.

Do đó, đối với kiến nghị trên, đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhu cầu chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh để thực hiện kết nối giữa Phần mềm một cửa của tỉnh với Phần mềm Quản lý LLTP dùng chung thông qua hệ thống NGSP.

VII. LĨNH VỰC BỒ TRỢ TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm xây dựng, cập nhật và cung cấp thông tin về công chứng viên toàn quốc để Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố thuận tiện tra cứu, giải quyết hồ sơ cho người dân được thuận tiện hơn (UBND Tp Cần Thơ)

Đề nghị Bộ Tư pháp tích cực có giải pháp cải thiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ ngành, nhất là việc xây dựng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành (như: hợp đồng, giao dịch công chứng, chứng thực; xử lý vi phạm hành chính;..) - (UBND tỉnh An Giang)

Đề nghị Bộ Tư pháp nên xem xét xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng, Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc cho thống nhất và hiệu quả. Thực trạng mỗi tỉnh một quy định, một nhà cung cấp dịch vụ.... như hiện nay vừa manh mún, thiếu tương thích và không đồng bộ (STP Bình Phước)

Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu công chứng tại các địa phương theo trách nhiệm được quy định của Luật Công chứng (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng phần mềm quản lý công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng, để khi có yêu cầu đăng ký hành nghề của công chứng viên Sở Tư pháp chỉ cần tìm tên hoặc số giấy tờ tùy thân của công chứng viên để xác định đã đăng ký hành nghề ở đâu chưa không phải có văn bản gửi 63 tỉnh thành như hiện nay vừa tốn chi phí, thời gian trả lời của các Sở Tư pháp (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xây dựng Phần mềm quản lý công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng, trong đó có quản lý thông tin về quá trình hành nghề của công chứng viên trên cả nước. Việc sửa đổi quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề tại Thông tư số 06/2015/TT-BTP đang được hoàn thiện tại Thông tư sửa đổi để ký ban hành, khắc phục những hạn chế hiện nay trong việc quản lý đội ngũ công chứng viên.

Đối với cơ sở dữ liệu công chứng, Luật công chứng đã giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng. Bộ Tư pháp cũng đã có Công văn hướng dẫn chung trong toàn quốc về vấn đề này (Công văn số 729/BTP-BTTP ngày 09/3/2017).

2. *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh (UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Đồng Nai, Khánh Hòa, Bến Tre)*

Trả lời:

Sau khi dự thảo được trình cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến, Bộ Tư pháp đang tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật Công chứng để khắc phục những hạn chế trong tổ chức và hoạt động, tên gọi của các tổ chức hành nghề công chứng (UBND tỉnh Đồng Nai)

Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng năm 2014 với nội dung sau:

Sửa đổi, bổ sung người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại Điều 10 Luật Công chứng năm 2014 các đối tượng như: Lãnh đạo Sở Tư pháp, Lãnh đạo Phòng Bổ trợ tư pháp, Thanh tra Sở đã có thời gian công tác trong Ngành Tư pháp từ 05 năm trở lên (UBND tỉnh Sơn La).

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận nội dung kiến nghị của địa phương liên quan đến triển khai thi hành Luật công chứng. Liên quan đến đề nghị miễn đào tạo nghề công chứng đối với một số đối tượng có trình độ, chức vụ và đóng góp lâu năm cho ngành Tư pháp đã được Bộ Tư pháp kiến nghị, đề xuất trong quá trình xây dựng Luật công chứng năm 2014. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Luật công chứng, đặc biệt là các khó khăn, vướng mắc về mặt thể chế để báo cáo Chính phủ, Quốc hội đưa Luật sửa đổi, bổ sung Luật công chứng vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh và tiếp tục đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung cần thiết.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hướng dẫn quy chế phối hợp trong công tác quản lý đội ngũ luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và Đoàn luật sư giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Liên đoàn luật sư Việt Nam (UBND tỉnh Đồng Nai)

Trả lời:

Việc ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư sẽ tạo cơ sở để phát huy hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư với tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Trên thực tế, căn cứ vào nhu cầu, đặc thù của từng địa phương, nhiều Sở Tư pháp và Đoàn Luật sư trong cả nước đã ban hành quy chế phối hợp và từng bước triển khai tương đối trách nhiệm, nề nếp quy chế này.

Trên cơ sở đó, đối với quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Liên đoàn Luật sư Việt Nam, nội dung của quy chế cần xây dựng căn cứ vào các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Liên đoàn Luật sư Việt Nam trong công tác quản lý đội ngũ luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và Đoàn Luật sư; bám sát thực tiễn, yêu cầu và chính sách sử dụng, phát triển đội ngũ luật sư tại từng địa phương để đảm bảo sự linh hoạt, chủ động, hiệu quả cũng như tính đặc thù để phù hợp với từng địa phương.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục chuẩn hóa thủ tục hành chính (TTHC), sửa đổi hoặc bãi bỏ các TTHC còn bất cập, không đủ yếu tố cấu thành (như không quy định thời gian, thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết...); đối với các TTHC được giải quyết liên thông từ Sở Tư pháp với Bộ Tư pháp như: Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư cho người được miễn tập sự; Bổ nhiệm Công chứng viên; Bổ nhiệm Thừa phát lại; Bổ nhiệm quản tài viên, Đấu giá viên, ... cần xây dựng quy chế thực hiện, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp, quy trình, thời gian, kết quả, trách nhiệm giải trình, trả lời khi có sai sót, chậm trễ trong giải quyết TTHC (UBND Tp Hà Nội)

Trả lời:

a) Về việc chuẩn hóa TTHC:

Trong thời gian qua, việc chuẩn hóa, công bố TTHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp đã được Bộ Tư pháp quan tâm, chú trọng, đảm bảo thực hiện đúng các quy định về nội dung và hình thức theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Trên cơ sở các quy định về TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung, Bộ Tư pháp đã chủ động ban hành các Quyết định công bố TTHC và công khai trên Cổng thông tin Bộ Tư pháp, phối hợp với Văn phòng Chính phủ để cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, gửi các Sở Tư pháp địa phương để thực hiện công bố, công khai¹⁰. Bên cạnh đó, đối với các

¹⁰ Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 614/QĐ-BTP ngày 18/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

TTHC có sự thay đổi, bổ sung theo văn bản quy phạm pháp luật mới, trong các Quyết định công bố TTHC của Bộ Tư pháp đều nêu rõ các nội dung được sửa đổi, bổ sung/hết hiệu lực đã được công bố theo các Quyết định trước đây nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các Sở Tư pháp, người dân, doanh nghiệp khi thực hiện.

b) Về việc xây dựng quy chế thực hiện đối với các TTHC được giải quyết liên thông từ Sở Tư pháp lên Bộ Tư pháp

Đối với các TTHC có sự liên thông từ Sở Tư pháp đến Bộ Tư pháp, hiện nay trong các văn bản quy phạm pháp luật đều có quy định rõ về trách nhiệm thực hiện của mỗi cơ quan, trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết, kết quả giải quyết. Mặt khác, trong các Quyết định công bố TTHC do Bộ Tư pháp ban hành cũng đều có đầy đủ các bộ phận cấu thành của TTHC về tên, hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn, đối tượng, thẩm quyền, kết quả, mẫu đơn, phí, lệ phí.... Vì vậy, đối với kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Bộ Tư pháp sẽ rà soát, nghiên cứu trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp có chế tài nghiêm khắc hơn trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hành nghề bổ trợ tư pháp (UBND Tp Hà Nội)

Trả lời:

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp (Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với Cục Bổ trợ tư pháp) đã chủ trì, xây dựng dự thảo *Nghị định thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2013/NĐ-CP*, trong đó tập trung rà soát, nâng mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm trong các lĩnh vực luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, giám định tư pháp...; sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm cụ thể trong lĩnh vực công chứng, luật sư; nghiên cứu xem xét bổ sung thêm các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thừa phát lại, hòa giải thương mại... Đến nay, dự thảo Nghị định đang được Chính phủ xem xét, ban hành.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng cường sự tham gia của luật sư vào các dự án công, khuyến khích sự tham gia của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư đóng góp ý kiến tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của cả nước (nói chung) và Tp Hồ Chí Minh (nói riêng) - (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Hiện nay, vị trí, vai trò của luật sư đã và đang được nâng cao trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước, chính quyền địa phương đã quan tâm, có chính sách huy động luật sư tham gia vào xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các dự án, công việc của địa phương bằng nhiều hình thức như ban hành Đề án, Kế hoạch về việc tham gia của Đoàn luật sư, luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư vào các dự án công; có văn bản huy động luật sư tham gia vào các hoạt động, công việc cụ thể; tuyển chọn, đào tạo các luật sư có trình độ, chuyên môn cao để tham gia vào hỗ trợ Ủy ban nhân dân giải quyết các công việc của tỉnh, thành phố... Đội ngũ luật sư đã tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tư vấn, hỗ trợ giải quyết tranh chấp cho các doanh nghiệp nhà nước; thực hiện hòa giải, tư vấn pháp luật, tham gia giải quyết các điểm nóng về khiếu nại, khiếu kiện phức tạp của người dân theo đề nghị của chính quyền địa phương (Hà Nội, Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Dương...).

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, đây là địa phương có hoạt động kinh tế - xã hội sôi động với rất nhiều giao dịch pháp lý, đặc biệt là các hoạt động đầu tư nước ngoài, đồng thời cũng là địa phương tập trung đội ngũ luật sư đông nhất cả nước. Vì vậy, Thành phố cần bám sát nội dung của Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 và Đề án “Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020” về việc xác định rõ nhiệm vụ của các địa phương trong việc “*xây dựng chính sách nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ luật sư trong việc tham gia hoạch định chính sách, xây dựng, giám sát thực thi pháp luật, thực hiện trợ giúp pháp lý*” (điểm d mục 2 phần III của Chiến lược); xây dựng cơ chế sử dụng đội ngũ luật sư trong việc “*tư vấn hoặc tham gia tranh tụng các vấn đề liên quan đến hội nhập cho Chính phủ, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; ký hợp đồng làm việc thường xuyên hoặc theo vụ việc cho các tập đoàn kinh tế của nhà nước, các doanh nghiệp lớn, một số cơ quan của Chính phủ và một số Ủy ban nhân dân tỉnh; tham gia việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thương mại và hội nhập kinh tế, quốc tế*” (mục 3.2 phần II của Đề án). Trên cơ sở đó, Thành phố cần nghiên cứu việc ban hành văn bản riêng để huy động đội ngũ luật sư tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phản biện chính sách cho địa phương; sử dụng các luật sư, các tổ chức hành nghề có trình độ, chuyên môn tham gia tư vấn cho các dự án có sử dụng vốn ngân

sách nhà nước, tư vấn hoặc tham gia tranh tụng các vấn đề liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế cho các doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thông qua việc ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý thường xuyên hoặc theo vụ việc...

8. Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng cơ chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, ngân hàng, Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề quản lý thanh lý tài sản trong hoạt động quản lý, thanh lý tài sản (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Triển khai Nghị định số 22/2015/NĐ-CP về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, tổ chức và hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã từng bước được hình thành và bước đầu đi vào hoạt động, góp phần thực hiện có hiệu quả quy định của Luật phá sản. Tuy nhiên, hoạt động của Quản tài viên đã phát sinh những hạn chế, bất cập từ việc thực hiện quy định của Luật phá sản năm 2014 như Luật phá sản không thống nhất với Luật thi hành án dân sự về phân định thẩm quyền của Chấp hành viên, Quản tài viên khi thi hành quyết định tuyên bố phá sản; chưa quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của Quản tài viên, cơ chế để Quản tài viên thực hiện trình tự, thủ tục phá sản nhất là mối quan hệ giữa Quản tài viên, Chấp hành viên, Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.

Để triển khai có hiệu quả Nghị định số 22/2015/NĐ-CP, trong phạm vi chức năng của mình, Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) đã có Công văn số 86/BTTP-ĐGTS ngày 29/01/2019 đề nghị các Sở Tư pháp có cơ chế phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương trong việc thực hiện giám sát hoạt động đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo việc thanh lý tài sản đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật phá sản, góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với cơ quan, tổ chức

có liên quan rà soát, tổng kết, báo cáo Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung Luật phá sản năm 2014, trong đó sẽ phản ánh kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh như nêu trên.

9. Mặc dù Luật Đấu giá tài sản đã có nhiều thay đổi tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều quy định gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể:

- Về quy định phải tính tiền lãi cho khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá: Luật quy định đối với khoản tiền đặt trước từ 05 triệu trở lên phải nộp vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá và phải được tính lãi, tuy nhiên ngân hàng mà tổ chức đấu giá tài sản mở tài khoản giao dịch từ chối hỗ trợ tính lãi với lý do nghiệp vụ phát sinh nhiều, nhất là với đấu giá quyền sử dụng đất.

Vấn đề này, Sở Tư pháp đề xuất: chỉ tính lãi đối với khoản tiền đặt trước được nộp vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá từ 01 tỷ đồng trở lên trong trường hợp trúng đấu giá. Trong trường hợp không trúng đấu giá thì không tính tiền lãi (vì tổ chức đấu giá phải thanh toán phí chuyển tiền trong trường hợp khách hàng không trúng đấu giá).

- Luật Đấu giá tài sản quy định tổ chức đấu giá không được đặt thêm các điều kiện đối với người tham gia đấu giá nếu pháp luật không quy định để tránh trường hợp hạn chế người tham gia, tuy nhiên trong thực tế, nhiều trường hợp nếu không quy định thêm thì gây ra nhiều bất cập. Ví dụ, tài sản đấu giá là gỗ bị xử lý tịch thu, có giá trị lớn (không thuộc nhóm quý hiếm, vì pháp luật về bảo vệ rừng quy định nếu thuộc nhóm quý hiếm thì người mua phải có đăng ký kinh doanh); nếu không đặt thêm điều kiện người tham gia đấu giá phải có giấy phép đăng ký kinh doanh thì sẽ xảy ra tình trạng cá nhân tự mua và tự bán lại. Khi mua bán lại (lần 2), do là cá nhân, không đăng ký kinh doanh nên sẽ không có hóa đơn mua bán, dẫn đến số gỗ này lại trở thành gỗ vi phạm nếu bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

- Quy định trả lại tiền mua hồ sơ cho người tham gia đấu giá trong trường hợp không tổ chức được cuộc đấu giá không phù hợp với thực tiễn. Lý do thứ nhất, đây là chi phí mà tổ chức đấu giá đã phải chi để photocopy tài liệu cung cấp cho người mua hồ sơ bao gồm: hồ sơ tài sản, tờ khai đăng ký tham gia theo mẫu, thông báo đấu giá, quy chế cuộc đấu giá... Như vậy, trong trường hợp không tổ chức được cuộc đấu giá thì người mua hồ sơ vẫn phải chịu mất số tiền này. Lý do thứ hai, người muốn tham khảo hồ sơ đấu giá có quyền mua 01 bộ hồ sơ để nghiên cứu

mà không nhất thiết phải đăng ký tham gia đấu giá. Khi mua hồ sơ, người này sẽ được tổ chức đấu giá bán hồ sơ và xuất hóa đơn cho nội dung mua hồ sơ đấu giá. Tuy nhiên, người này có thể để cho một người khác dùng bộ hồ sơ này để đăng ký tham gia đấu giá. Như vậy, nếu quy định phải trả lại tiền mua hồ sơ cho người tham gia đấu giá trong trường hợp không tổ chức được cuộc đấu giá thì người không mua hồ sơ mà vẫn đăng ký tham gia đấu giá không có hóa đơn chứng từ chứng minh mình đã mua hồ sơ để được trả lại tiền mua hồ sơ. Vì vậy, đề nghị bỏ quy định này (UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu với Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật đấu giá tài sản, vì Luật đấu giá tài sản và văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định chặt chẽ cơ chế để quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh này nhưng thực hiện các hoạt động đấu giá tại địa phương (tỉnh, thành phố) khác; bổ sung các hành vi vi phạm của tổ chức hành nghề đấu giá là ban hành Quy chế đấu giá tài sản có nội dung trái pháp luật; nghiêm cấm đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá không đúng quy chế đấu giá và bổ sung quy định việc xử lý, khắc phục hậu quả đối với tài sản đấu giá thành trong các trường hợp nêu trên .v.v. (UBND tỉnh Tuyên Quang)

Trả lời:

a) Về khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá

Theo quy định tại Điều 39 Luật đấu giá tài sản thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước và thanh toán tiền lãi (nếu có) trong trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá. Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện giao kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, Cục Bổ trợ tư pháp thấy rằng Luật đấu giá tài sản không có quy định bắt buộc khoản tiền đặt trước phải được tính lãi như ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phản ánh. Theo quy định nêu trên của Luật đấu giá tài sản thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) cho người không trúng đấu giá; trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc. Việc tiền lãi từ khoản tiền đặt trước có hay không thì do ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng và pháp luật liên quan.

b) Về điều kiện đối với người tham gia đấu giá

Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản thì trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Ngoài các điều kiện đăng ký tham gia đấu giá quy định tại Luật đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan, người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản không được đặt thêm yêu cầu, điều kiện đối với người tham gia đấu giá.

Luật đấu giá tài sản tại Điều 7 quy định bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người mua được tài sản đấu giá ngay tình (Bộ luật dân sự cũng có quy định bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba ngay tình nhận tài sản thông qua đấu giá).

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, Bộ Tư pháp thấy rằng trường hợp cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản, pháp luật điều chỉnh đối với tài sản đấu giá và mua được tài sản đấu giá thì người đó được pháp luật bảo vệ quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đó. Đối với ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng người trúng đấu giá là cá nhân không đăng ký kinh doanh khi bán lại tài sản trúng đấu giá sẽ không có hóa đơn mua bán dẫn đến tài sản này thành tài sản vi phạm nếu bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra là chưa có cơ sở. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cung cấp thêm thông tin về nội dung này để Bộ Tư pháp có biện pháp hướng dẫn xử lý phù hợp.

c) Về quy định trả lại tiền mua hồ sơ cho người tham gia đấu giá trong trường hợp không tổ chức được cuộc đấu giá

Triển khai Luật đấu giá tài sản, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã nhận được các phản ánh, kiến nghị của các Sở Tư pháp, tổ chức đấu giá tài sản về những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện một số quy định của Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản như việc tổ chức đấu giá tài sản bán hồ sơ, xuất hóa đơn nhưng tiền bán hồ sơ lại được tính vào thù lao dịch vụ đấu giá nếu còn thừa thì nộp vào ngân sách nhà nước dẫn đến tình trạng tổ chức đấu giá tài sản làm hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá đơn giản, hồ sơ không đầy đủ thông tin tài sản đấu giá. Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc này, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1727/BTP-BTTP ngày 15/5/2019 gửi Bộ Tài chính đề nghị nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2017/TT-BTC. Bộ Tài chính đã có Công văn số 6396/BTC-QLG

ngày 05/6/2019 đề nghị đánh giá và cung cấp thêm thông tin để có cơ sở xem xét, sửa đổi, bổ sung. Do đó, trong quá trình Thông tư số 48/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung, Bộ Tư pháp sẽ phản ánh kiến nghị nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đến Bộ Tài chính để xem xét, nghiên cứu đảm bảo tính hiệu quả của việc đấu giá tài sản, phù hợp với quy định pháp luật, bảo đảm lợi, ích của cá nhân, tổ chức, Nhà nước.

d) Về việc sửa đổi, bổ sung Luật đấu giá tài sản

Về vấn đề quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp thấy rằng Luật đấu giá tài sản tại điểm g khoản 2 Điều 77, điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 79 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức và hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản trong phạm vi cả nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đấu giá tài sản tại địa phương, trong đó có công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền. Theo đó, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động đấu giá tài sản của các doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động tại địa phương và hoạt động đấu giá tài sản diễn ra tại địa phương của các doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động ở địa phương khác (nội dung này đã được Bộ Tư pháp hướng dẫn tại Công văn số 3319/BTP-BTTP ngày 13/9/2017 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Về bổ sung các hành vi vi phạm của tổ chức hành nghề đấu giá, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 110/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp, trong đó nhiều nội dung mà Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nêu đã được quy định trong dự thảo Nghị định này. Dự thảo Nghị định đã được thẩm định và dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong thời gian tới.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp có quy định chế tài xử lý đối với trường hợp hợp thức hóa quy định về công chứng viên hợp danh (UBND tỉnh Phú Yên)

Trả lời:

Việc quy định và xử phạt các hành vi vi phạm trong hoạt động công chứng đều trên nguyên tắc và cơ sở gốc của vấn đề, đó là từ luật nội dung. Bộ Tư pháp sẽ

có rà soát, nghiên cứu đề nghị về vấn đề này. Trước mắt, hiện nay Bộ Tư pháp đang hoàn thiện Thông tư sửa đổi Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, trong đó cũng có đề cập đến rút và bổ sung công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp hàng năm, tổ chức kiểm tra định kỳ kết quả tập sự hành nghề công chứng viên cho các địa phương (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng đã được quy định trong Thông tư số 04/2015/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Theo quy định, việc kiểm tra tập sự không nhất thiết phải tổ chức hàng năm mà căn cứ vào đề nghị của các địa phương và nhu cầu phát triển đội ngũ công chứng viên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ quyết định thời gian tổ chức kỳ kiểm tra phù hợp, không chủ trương “chạy theo” số lượng mà bảo đảm xây dựng đội ngũ công chứng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao và đạo đức hành nghề công chứng.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức Hội thảo trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác tư pháp, nhất là trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, hàng năm Bộ đều tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong các công tác tư pháp trong đó có lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. Tính riêng trong năm 2019, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn và các đoàn thanh tra, kiểm tra, khảo sát của Bộ trong đó có trên 15 hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn chuyên sâu nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật cũng như cập nhật kiến thức, kỹ năng cho các Sở Tư pháp, tổ chức, cá nhân hành nghề trong các lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, đấu giá tài sản... Bên cạnh đó, việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm đều được tổ chức ở nhiều vùng miền, có sự kết hợp nhiều nội dung nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm ngân sách cho các địa phương có đại biểu tham dự.

13. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản về bãi bỏ quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020 để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương (UBND tỉnh Trà Vinh)

Trả lời:

Liên quan về việc bãi bỏ Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản trình Chính phủ ban hành Danh mục các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, trong đó có Quy hoạch công chứng.

14. *Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn mang tính chất quy định khung, để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có căn cứ xây dựng Quy định tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng được đồng bộ, thống nhất. Trong đó nên tập trung quy định tiêu chuẩn công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng Công chứng chặt chẽ hơn. Ví dụ các trường hợp đã tham gia thành lập, tham gia hợp danh bao nhiêu lần thì không được thành lập mới. Hoặc quá trình hành nghề mà có số thời gian không trực tiếp hành nghề chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm; hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính bao nhiêu lần trong quá trình hành nghề....thì không được tham gia thành lập Văn phòng Công chứng. Ngoài ra, cần quy định về khoảng cách tối thiểu giữa các tổ chức hành nghề công chứng trên cùng địa bàn (phân loại dân cư, đô thị...); quy định về các điều kiện hạ tầng kỹ thuật tối thiểu của một Văn phòng Công chứng; khả năng quản trị công nghệ thông tin của công chứng viên... (STP Bình Phước)*

Việc ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trong điều kiện bỏ quy hoạch số lượng tổ chức hành nghề công chứng như hiện nay đã tạo ra những khó khăn cho địa phương khi triển khai thực hiện. Đề nghị Bộ Tư pháp cần có hướng dẫn cụ thể để các địa phương thực hiện thống nhất, hiệu quả (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Bộ Tư pháp đã có Báo cáo chuyên đề về Một số vấn đề cần lưu ý về phát triển tổ chức hành nghề công chứng trong bối cảnh Luật công chứng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung 11 luật liên quan đến quy hoạch tại Hội nghị tổng kết công tác tư pháp năm 2018, trong đó có hướng dẫn rõ về hình thức, thẩm quyền, nội dung cơ bản của Tiêu chí. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 449/BTP-BTTP ngày 12/02/2019 về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch và Luật công chứng gửi Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó có hướng dẫn một số nội dung cơ bản trong việc xây dựng Tiêu chí.

Luật công chứng năm 2014 (Điều 70) đã giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương mình ban hành Tiêu chí nhằm lựa chọn ra những hồ sơ tốt nhất trong nhiều hồ sơ để cấp phép thành lập Văn phòng công chứng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động công chứng và bảo đảm công khai, minh bạch, tránh khiếu kiện trong việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng. Bên cạnh đó, Khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao”. Luật công chứng không giao Bộ Tư pháp quy định chi tiết về Tiêu chí.

Căn cứ quy định của pháp luật nên thẩm quyền ban hành Tiêu chí thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương mình để ban hành Tiêu chí phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh không còn Quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng. Bộ Tư pháp không được ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết về việc ban hành Tiêu chí.

Đề nghị Sở Tư pháp căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế- xã hội, diện tích, điều kiện địa lý, số lượng dân cư, sự phân bố dân cư và nhu cầu công chứng của từng địa bàn để xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Tiêu chí theo đúng quy định và phân cấp thẩm quyền tại Luật công chứng, theo đó lựa chọn được hồ sơ tốt nhất trong nhiều hồ sơ đăng ký thành lập Văn phòng công chứng, bảo đảm chất lượng của hoạt động công chứng, các Văn phòng công chứng được thành lập có đội ngũ công chứng viên tốt, hoạt động ổn định.

15. Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời sửa đổi Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng và Công bố lại bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực công chứng (STP Bình Phước)

Trả lời:

Việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2015/TT-BTP đã được Bộ Tư pháp triển khai từ năm 2018 và đã thực hiện đầy đủ các bước xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như thành lập Ban soạn thảo, tổ chức hội thảo, tọa đàm trực tiếp cũng như lấy ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư, đăng tải dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Dự thảo Thông tư dự kiến trình Bộ trưởng xem xét vào tháng 8/2019.

16. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể hơn việc tổ chức đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá theo quy định tại Điều 41 Luật Đấu giá tài sản (STP Long An)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại Điều 41 đã quy định cụ thể hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá. Triển khai quy định nêu trên của Luật, trong thời gian qua, các tổ chức đấu giá tài sản đã thỏa thuận, phối hợp với người có tài sản áp dụng hình thức đấu giá này cho nhiều cuộc đấu giá thành công, có hiệu quả. Do đó, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh Long An thông tin cụ thể các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hình thức đấu giá tài sản nêu trên để Bộ Tư pháp có hướng dẫn.

17. Trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản, về thời hạn niêm yết, thông báo công khai, đề nghị quy định thống nhất là niêm yết, thông báo các sai sót, liên tục (STP Long An)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại Điều 35 và Điều 57 quy định cụ thể về nội dung, thời hạn niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá. Do đó, trong trường hợp niêm yết, thông báo công khai có sai sót về nội dung thì tổ chức đấu giá tài sản phải niêm yết, thông báo công khai nội dung thông tin sai sót đó theo đúng quy định tại Điều 35 và Điều 57 nêu trên.

18. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể về điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu giá tài sản (STP Long An)

Trả lời:

Vấn đề này đã được quy định cụ thể tại Luật đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật đấu giá tài sản thì những nội dung liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản không quy định tại Luật đấu giá tài sản thì thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 172 Luật doanh nghiệp thì Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên hợp danh. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn.

Luật đấu giá tài sản tại điểm a khoản 3 Điều 23 quy định Công ty đấu giá hợp danh có ít nhất một thành viên hợp danh là đấu giá viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh là đấu giá viên.

Để thực hiện đúng, thống nhất quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 nêu trên, Bộ Tư pháp thấy rằng Công ty đấu giá hợp danh phải có ít nhất 02 thành viên hợp danh và trong đó phải có ít nhất 01 thành viên hợp danh là đấu giá viên. Trường hợp theo Điều lệ Công ty, thành viên hợp danh là đấu giá viên đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty là đáp ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 nêu trên. Trường hợp thành viên hợp danh là đấu giá viên không đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty thì Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Công ty phải là đấu giá viên.

19. Đề nghị tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, đặc biệt là trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Tư pháp (UBND tỉnh Nghệ An)

Trả lời:

Các văn bản Luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp đã có những quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước có liên quan, trong đó đã quy định rõ vai trò của Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động hỗ trợ tư pháp tại địa phương (Khoản 2 Điều 79 Luật đấu giá tài sản, khoản 2 Điều 43 Luật giám định tư pháp...). Trên cơ sở các quy định trong các văn bản luật nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tiễn trong quá trình quản lý nhà nước, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật trọng tài thương mại, Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư...). Do vậy, đề nghị Sở Tư pháp địa phương nghiên cứu, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản đã được ban hành.

Căn cứ các yêu cầu thực tiễn trong quá trình quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này đang tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện. Hiện nay, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ 01 dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động thừa phát lại; đang chủ trì xây dựng dự án Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp, 01 Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật công chứng. Theo đó, các văn bản nêu trên dự kiến sẽ quy định cụ thể, chặt chẽ hơn trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương trong các lĩnh vực này.

20. *Luật giám định tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định có liên quan đến giám định tư pháp chưa quy định trong trường hợp có nhiều kết luận giám định khác nhau thì kết quả của lần giám định nào sẽ là kết quả chính thức được sử dụng trong việc giải quyết vụ án, điều này gây khó khăn trong hoạt động tố tụng; chưa quy định chế tài xử lý trong trường hợp kéo dài việc giám định, chế tài xử lý giám định viên làm không đúng, không tròn trách nhiệm khi thực hiện hoạt động giám định. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Chính phủ cho ý kiến, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Giám định tư pháp để giải quyết những vấn đề trên (UBND tỉnh Bến Tre)*

Trả lời:

a) Về trường hợp có nhiều kết luận giám định khác nhau thì kết quả của lần giám định nào sẽ là kết quả chính thức được sử dụng trong việc giải quyết vụ án:

Kết luận giám định tư pháp chỉ là một trong những nguồn chứng cứ được sử dụng trong quá trình giải quyết vụ án và được các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, quyết định cùng với các nguồn chứng cứ khác theo quy định của pháp luật về tố tụng. Vì vậy, Luật giám định tư pháp không thể quy định kết luận giám định nào có hiệu lực cao hơn trong trường hợp có nhiều kết luận giám định.

b) Về chế tài xử lý trong trường hợp, chế tài xử lý giám định viên không làm đúng, không tròn trách nhiệm khi thực hiện hoạt động giám định

Luật giám định tư pháp năm 2012 có 01 điều quy định về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 6), theo đó các hành vi: kéo dài thời gian thực hiện giám định, cố ý kết luận giám định sai sự thật, từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng... đều bị nghiêm cấm, nếu vi phạm thì tùy mức độ sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật hình

sự (Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2013 và Điều 383 Bộ luật hình sự năm 2015).

b) Về sửa đổi, bổ sung Luật giám định tư pháp

Thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư - Chủ tịch nước - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Bộ Tư pháp đã lập Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp báo cáo Chính phủ đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội trong năm 2019-2020, trong đó bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp đang được Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan khẩn trương xây dựng, hoàn thiện. Theo kế hoạch, dự án Luật này sẽ trình Chính phủ cho ý kiến vào Phiên họp chuyên đề tháng 7/2019 về công tác xây dựng pháp luật và trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV.

21. *Theo Khoản 1 Điều 26 Luật Đấu giá tài sản, trường hợp doanh nghiệp đấu giá tài sản thay đổi nội dung đăng ký hoạt động về tên gọi, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì thực hiện như sau:*

“a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi, doanh nghiệp đấu giá tài sản gửi giấy đề nghị thay đổi đến Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thay đổi, Sở Tư pháp quyết định thay đổi nội dung đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Doanh nghiệp bị từ chối thay đổi nội dung đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật”.

Khoản 1 Điều 26 Luật Đấu giá tài sản chưa quy định cụ thể thủ tục hành chính thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản: về thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Kiến nghị Bộ Tư pháp phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể thủ tục hành chính thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đấu giá tài sản (UBND tỉnh Bình Dương)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại Điều 26 đã quy định cụ thể việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. Triển khai Luật đấu giá tài sản, căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2571/QĐ-BTP ngày 14/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và Quyết định số 495/QĐ-BTP ngày 23/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2571/QĐ-BTP ngày 14/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, trong đó quy định cụ thể thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. Do đó, trong trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục hành chính nêu trên, đề nghị UBND tỉnh Bình Dương phản ánh về Bộ Tư pháp để có hướng dẫn xử lý phù hợp.

22. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Luật Đấu giá tài sản “Người có Chứng chỉ hành nghề đấu giá được Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên theo đề nghị của tổ chức đấu giá tài sản nơi người đó hành nghề. Thẻ đấu giá viên bị thu hồi khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 16 của Luật này”.

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP quy định “Thẻ đấu giá viên chỉ có giá trị khi đấu giá viên hành nghề trong tổ chức đã đề nghị cấp Thẻ”. Như vậy, khi đấu giá viên không còn hành nghề tại tổ chức đấu giá thì Thẻ đấu giá viên cũng không còn giá trị và phải thực hiện thu hồi Thẻ để đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với việc sử dụng Thẻ đấu giá viên. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Luật Đấu giá tài sản thì Thẻ đấu giá viên chỉ bị thu hồi trong trường hợp người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá.

Kiến nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định thu hồi Thẻ khi đấu giá viên chấm dứt hành nghề tại tổ chức đấu giá tại Khoản 3 Điều 14 Luật Đấu giá tài sản (UBND tỉnh Bình Dương)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại khoản 3 Điều 14 quy định Thẻ đấu giá viên bị thu hồi khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 16 của Luật đấu giá tài sản. Trong quá trình xây dựng Nghị định số 62/2017/NĐ-CP, vấn đề thu hồi Thẻ đấu giá viên khi đấu giá viên đó chấm dứt hành nghề tại tổ chức đấu giá đã được đặt ra và trao đổi, thảo luận và thấy rằng quy định như vậy là cần thiết, phù hợp với thực tiễn việc quản lý Thẻ đấu giá viên. Tuy nhiên, vấn đề này đã không được quy định chi tiết trong Nghị định số 62/2017/NĐ-CP vì Luật đấu giá tài sản chỉ quy định duy nhất 01 trường hợp thu hồi Thẻ đấu giá viên khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP đã quy định “Thẻ đấu giá viên chỉ có giá trị khi đấu giá viên hành nghề trong tổ chức đã đề nghị cấp Thẻ”. Do đó, để thực hiện đúng quy định nêu trên, trong trường hợp đấu giá viên không còn hành nghề tại tổ chức đấu giá đã đề nghị cấp Thẻ thì khi quyết định cấp Thẻ mới cho đấu giá viên đó theo đề nghị của tổ chức đấu giá mới, Sở Tư pháp cần quy định rõ Thẻ đấu giá viên cũ đã cấp cho đấu giá viên đó không còn giá trị.

23. Đề xuất thời hạn nộp tiền đặt trước là không nộp sớm hơn 07 ngày làm việc và không nộp trễ hơn trước 03 ngày tổ chức bán đấu giá diễn ra.

Theo quy định khoản tiền đặt trước của khách hàng không trúng đấu giá và khoản tiền đặt cọc của khách hàng trúng đấu giá đều được hoàn trả cho khách hàng (tiền đặt trước) và chuyển cho bên có tài sản (tiền đặt cọc) cả tiền gốc và tiền lãi tương ứng theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và bên có tài sản (UBND tỉnh Lâm Đồng)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại khoản 1 Điều 38 và 2 Điều 39 quy định cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tổ chức đấu giá tài sản chỉ được thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá. Mục đích của quy định này là nhằm tạo điều kiện cho người mua hồ sơ đấu giá có thời gian nghiên cứu, cân nhắc trước khi nộp tiền đặt trước, đồng thời hạn chế tình trạng tổ chức đấu giá tài sản chiếm giữ, sử dụng sai mục đích tiền đặt trước của người tham gia đấu giá. Ngoài ra, để đảm bảo phù hợp với thực tiễn,

Luật đấu giá tài sản cũng quy định tổ chức đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá có thể thỏa thuận thời gian nộp tiền đặt trước sớm hơn thời gian nêu trên. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia đấu giá, tổ chức đấu giá và đang được áp dụng tại nhiều cuộc đấu giá mà không có vướng mắc.

24. Đề nghị Bộ Tư pháp cần có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn về việc áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng trong quá trình nộp tiền đặt trước của khách hàng tham gia đấu giá nhất là trường hợp khách hàng vi phạm nội quy đấu giá thì khoản tiền đặt trước bằng bảo lãnh ngân hàng sẽ thực hiện như thế nào (UBND tỉnh Lâm Đồng)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại khoản 1 Điều 39 quy định tiền đặt trước được gửi vào một tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Người tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản có thể thỏa thuận thay thế tiền đặt trước bằng bảo lãnh ngân hàng. Do đó, Bộ Tư pháp thấy rằng trong trường hợp người tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận thay thế tiền đặt trước bằng bảo lãnh ngân hàng thì tổ chức đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá tài sản cần thỏa thuận về giấy tờ chứng minh việc bảo lãnh ngân hàng thay cho việc nộp tiền đặt trước, nội dung bảo lãnh, quyền, nghĩa vụ của người bảo lãnh theo quy định của pháp luật về bảo lãnh và pháp luật về ngân hàng.

25. Trung tâm kiến nghị Bộ Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn việc tiêu chí để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản phải được xây dựng thành bảng thang điểm 10 cho từng tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và phải thông báo công khai trong nội dung thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá. Trên cơ sở so sánh tổng điểm của hồ sơ đăng ký tham gia của tổ chức đấu giá nộp, người có tài sản lựa chọn tổ chức đấu giá có tổng điểm đánh giá cao nhất và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn (UBND tỉnh Lâm Đồng)

Trả lời:

Luật đấu giá tài sản tại khoản 4 Điều 56 quy định các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, trong đó có các tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm, uy tín, phương án đấu giá của tổ chức và các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định. Trên cơ sở các tiêu chí chung này, tùy thuộc tính chất tài sản đấu giá (tài sản lớn hay nhỏ thì có phương án đấu giá khác nhau), hình thức đấu giá (đấu giá trực tuyến thì tiêu chí đánh giá khác đấu giá trực tiếp

bằng lời nói), yêu cầu và thực tiễn tổ chức việc đấu giá tài sản đó mà người có tài sản sẽ đưa ra những tiêu chí cụ thể phù hợp để lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản có uy tín, kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tổ chức đấu giá tài sản đó được khách quan, minh bạch, hiệu quả.

26. Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể quy định các vấn đề có liên quan đến việc thu, xuất hóa đơn bán hàng, quản lý, sử dụng, thanh toán tiền bán hồ sơ cho khách hàng mua hồ sơ đăng ký đấu giá; cho bên có tài sản và tổ chức đấu giá có thể thỏa thuận về khoản tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá để phù hợp với yêu cầu thực tế (UBND tỉnh Lâm Đồng)

Trả lời:

Về nội dung nêu trên, Bộ Tư pháp thấy rằng việc xuất hóa đơn tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, việc quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá được thực hiện theo quy định của Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản. Để góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BTC, trong đó có những vấn đề như UBND tỉnh Lâm Đồng kiến nghị, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1727/BTP-BTTP gửi Bộ Tài chính đề nghị nghiên cứu, xem xét tiến hành sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2017/TT-BTC để đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động đấu giá, pháp luật liên quan.

VIII. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét có cơ chế bổ sung dự toán kinh phí và cấp kinh phí hàng năm (đợt 2) đối với nội dung chi cho vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình theo Quyết định 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình, phát sinh ngoài dự toán (UBND tỉnh Cao Bằng)

Trả lời:

Theo Khoản 1, Điều 5, Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 32): “Vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, căn cứ địa bàn áp dụng theo quy định tại Điều 2

Quyết định này và tình hình thực hiện TGPL năm hiện hành, Trung tâm TGPL tại các địa phương chưa tự cân đối ngân sách lập dự toán gửi Sở Tư pháp tổng hợp để gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh”. Như vậy, hiện nay Quyết định số 32 chỉ quy định về thời điểm lập dự toán kinh phí hàng năm thực hiện Quyết định số 32.

2. Ngày 27/12/2018, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có báo cáo số 274/BC-UBND về kết quả rà soát các chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa gửi Bộ Tư pháp, trong đó có kiến nghị của địa phương về phương án kiện toàn các chi nhánh của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến đối với phương án sắp xếp, kiện toàn các chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Khánh Hòa để địa phương có cơ sở triển khai sắp xếp, kiện toàn (UBND tỉnh Khánh Hòa)

Trả lời:

Ngày 21/6/2019, Bộ Tư pháp đã có công văn số 2299/BTP-TGPL gửi UBND tỉnh Khánh Hòa nhất trí duy trì 02 Chi nhánh, sáp nhập 01 Chi nhánh và giải thể 01 chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 với nội dung sau:

Sửa đổi, bổ sung quy định người thực hiện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 17 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 như: (1) Người có thời gian làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên từ 05 năm trở lên; (2) Lãnh đạo Sở Tư pháp, Lãnh đạo Phòng Bổ trợ tư pháp, Thanh tra Sở đã có thời gian công tác trong Ngành Tư pháp từ 05 năm trở lên; (3) Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện công tác tại các cơ quan tư pháp có thời gian công tác từ 05 năm trở lên (UBND tỉnh Sơn La)

Trả lời:

Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 và thay thế Luật Trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11. Một trong những mục tiêu quan trọng của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 là nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý theo hướng chuyên nghiệp hóa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội nhằm cung cấp kịp thời dịch vụ pháp lý cho người yếu thế không có khả năng chi trả dịch vụ pháp lý và những người thuộc diện chính sách. Cung cấp dịch vụ pháp lý là một nghề đòi hỏi người thực hiện phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp có nhiều điểm tương đồng với việc cung ứng dịch vụ pháp lý của luật sư, tư vấn viên pháp luật. Do vậy, Luật Trợ giúp

pháp lý năm 2017 đã chuẩn hóa, nâng cao tiêu chuẩn người thực hiện trợ giúp pháp lý. Riêng đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì những đối tượng theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La có thể tham gia làm cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý.

4. Yêu cầu các cơ quan thành viên Hội đồng phối hợp liên Ngành về Trợ giúp pháp lý ở Trung ương (Bộ CA, TANDTC, VKSNDTC, BTC, BQP) có văn bản chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành dọc mà mình quản lý nghiêm túc triển khai có hiệu quả các hoạt động phối hợp đã quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (UBND tỉnh, thành phố Hà Nội, Nghệ An, Lâm Đồng)

Trả lời:

Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 quy định về phối hợp thực hiện TGPL đã quy định trách nhiệm của các ngành (Công an, Quốc phòng, TAND, VKSND) chỉ đạo cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc ngành mình thực hiện trách nhiệm tại Thông tư liên tịch số 10, ban hành văn bản của mình về phối hợp TGPL trong tố tụng (điểm c khoản 2); trách nhiệm của Hội đồng phối hợp liên ngành TGPL trong hoạt động tố tụng địa phương trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng.

Đồng thời, tại Kế hoạch triển khai Thông tư liên tịch số 10 (điểm 6.1. mục II) và Kế hoạch phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng năm 2019 (khoản 1 mục II) đã nêu rõ trách nhiệm của các ngành trong việc chỉ đạo, hướng dẫn ngành mình phối hợp TGPL trong tố tụng; trách nhiệm của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương trong việc chỉ đạo các thành viên Hội đồng thực hiện nhiệm vụ trên.

Do đó, đề nghị Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương chủ động có các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp TGPL trong tố tụng, đề nghị các Ngành thành viên có văn bản chỉ đạo ngành mình nghiêm túc triển khai công tác phối hợp TGPL theo Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc thì báo cáo về Bộ Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương để có giải pháp tháo gỡ.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp có các giải pháp đổi mới cơ chế tổ chức thực hiện và bảo đảm các điều kiện để pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý đi vào cuộc sống (UBND tỉnh Nghệ An)

Trả lời:

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định tương đối đầy đủ về tổ chức và hoạt động TGPL, có nhiều nội dung mới nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của công tác TGPL và sử dụng các nguồn lực để cung cấp kịp thời dịch vụ pháp lý cho người yếu thế không có khả năng chi trả dịch vụ pháp lý. Cụ thể, Luật quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong công tác TGPL; tạo điều kiện thuận lợi cho người được TGPL, nhất là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong hoạt động tố tụng, đặc biệt, diện người được TGPL đã được mở rộng (theo ước tính có khoảng 50% dân số thuộc diện được TGPL). Luật Trợ giúp pháp lý đã quy định đa dạng hóa việc cung ứng dịch vụ TGPL. Ngoài lực lượng chuyên trách là các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn khuyến khích, huy động sự tham gia của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thông qua cơ chế Sở Tư pháp lựa chọn ký hợp đồng với các tổ chức này hoặc các tổ chức này có thể chủ động đăng ký tham gia thực hiện TGPL với Sở Tư pháp bằng nguồn lực của mình. Để Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 sớm đi vào cuộc sống, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quan tâm tạo điều kiện bố trí nguồn lực (con người, tài chính và cơ sở vật chất) bảo đảm hoạt động TGPL tại địa phương có hiệu quả. Bên cạnh đó, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An cần phối hợp với các cơ quan liên quan tại địa phương để đẩy mạnh công tác truyền thông bằng những hình thức dễ hiểu, dễ nhớ để người dân biết và tiếp cận dịch vụ TGPL, bảo đảm không bỏ sót đối tượng được TGPL. Ngoài ra, tổ chức TGPL cần chú trọng thực hiện các vụ việc cụ thể, bảo vệ quyền lợi cho người dân, bảo đảm chất lượng dịch vụ TGPL.

6. Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư để thay thế Thông tư số 18/2013/TT-BTP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn cách tính thời gian thực hiện và thủ tục thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý và Thông tư số 05/2017/TT-BTP ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2013/TT-BTP vì trong thực tiễn áp dụng hiện nay các Thông tư trên thể hiện những bất cập, chưa hợp lý. Cụ thể nhiều nội dung chi và mức chi không phù hợp tình hình thực tế (UBND tỉnh Tây Ninh)

Trả lời:

Hiện Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) đang tổng hợp ý kiến của địa phương để nghiên cứu, xây dựng Thông tư sửa đổi Thông tư số 05/2017/TT-BTP ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2013/TT-BTP. Dự kiến dự thảo Thông tư sẽ được lấy ý kiến các địa phương trong tháng 9/2019.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) có văn bản hướng dẫn việc đánh giá chất lượng vụ việc hoàn thành được quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Do một số nội dung quy định trong Thông tư chưa cụ thể, rõ ràng như: Nội dung đánh giá chất lượng, tỷ lệ vụ việc đánh giá, người tham gia đánh giá, kinh phí thực hiện... (UBND tỉnh Tây Ninh)

Trả lời:

Việc đánh giá chất lượng vụ việc đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP. Hiện nay, các địa phương đã ban hành Kế hoạch và tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc TGPL. Về cách thức tiến hành đánh giá chất lượng vụ việc TGPL hiện nay đang được Cục Trợ giúp pháp lý nghiên cứu và xây dựng thành tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ. Tuy nhiên, để bảo đảm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong hoạt động này, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn nếu có khó khăn, vướng mắc thì có văn bản gửi về Bộ Tư pháp (qua Cục Trợ giúp pháp lý) để được hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời.

IX. LĨNH VỰC HÌNH SỰ - HÀNH CHÍNH

Việc tổ chức sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, để bảo đảm tiến độ sơ kết theo yêu cầu của Bộ Tư pháp (trước ngày 15/6/2019) và theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp việc sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 tập trung đánh giá các hoạt động triển khai thi hành Hiến pháp cấp tỉnh, nên chưa đánh giá được toàn diện công tác triển khai thi hành Hiến pháp trên địa bàn

tỉnh. Đề nghị Bộ Tư pháp có chỉ đạo triển khai sớm và dành nhiều thời gian để địa phương có thời gian thực hiện (UBND tỉnh Bến Tre)

Trả lời:

Sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm công tác 2019 của Bộ và ngành Tư pháp. Theo Văn bản số 381/UBTVQH14-PL ngày 27/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiến hành sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và Quyết định số 511/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, công tác sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 được tiến hành khẩn trương, trong thời gian tương đối gấp, yêu cầu bám sát các nội dung sơ kết (về hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về nội dung của Hiến pháp; rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiến pháp năm 2013; đánh giá việc các cơ quan nhà nước thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định mới của Hiến pháp năm 2013 và việc triển khai các biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp trong 05 năm vừa qua).

Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu các cơ quan, trong đó có Chính phủ, tiến hành sơ kết và gửi Chính phủ tổng hợp, xây dựng báo cáo chung, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi gửi báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019). Do vậy, tại Kế hoạch tổ chức sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tiến hành sơ kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 15/6/2019 để kịp thời tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo về sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, trình Chính phủ cho ý kiến tại Phiên họp tháng 7/2019. Đây là nhiệm vụ chung và đã được lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương quán triệt thực hiện.

Qua quá trình theo dõi, đôn đốc, Bộ Tư pháp thấy rằng, một số bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc và nỗ lực triển khai sơ kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp đúng thời hạn, trong đó có Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Báo cáo ngày 14/6/2019). Trong khi đó, một số Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo chậm và đã được Bộ Tư pháp gửi công văn đôn đốc.

X. LĨNH VỰC PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

Đề nghị Bộ Tư pháp tạo điều kiện cho cán bộ Bộ Quốc phòng nâng cao năng lực chuyên môn trình độ ngoại ngữ trong lĩnh vực pháp luật quốc tế (Bộ Quốc phòng)

Trả lời:

Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức Bộ, ngành được ngân sách Nhà nước cấp hằng năm cho từng Bộ, ngành. Theo đó, trong trường hợp, Bộ Quốc phòng có nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ chuyên ngành pháp luật quốc tế cho cán bộ, công chức của mình thì kinh phí sẽ được lấy từ nguồn này. Bộ Tư pháp sẽ hỗ trợ tối đa về giảng viên khi Bộ Quốc phòng tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nêu trên hoặc trường hợp Bộ Tư pháp tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng loại này sẽ thông tin cho Bộ Quốc phòng để phối hợp cử cán bộ, công chức tham dự.

XI. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Hiện nay, phần mềm Thống kê tư pháp đã đưa vào vận hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện nhanh chóng công tác thống kê tư pháp. Tuy nhiên, các biểu mẫu mới theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BTP chưa được cập nhật vào phần mềm nên không thể sử dụng hiệu quả. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm cập nhật biểu mẫu mới để phát huy hiệu quả tích cực của phần mềm (UBND tỉnh Hải Dương)

Trả lời:

Phần mềm thống kê ngành Tư pháp được thiết kế và xây dựng theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Phần mềm đã được đưa vào áp dụng trong kỳ báo cáo năm chính thức 2018. Tuy nhiên, từ 15/5/2019, Thông tư 04/2016/TT-BTP hết hiệu lực và được thay thế bằng Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Thông tư mới đã rút gọn và thay đổi phần lớn nội dung của các biểu mẫu thống kê so với Thông tư 04/2016/TT-BTP.

Do đó, Bộ Tư pháp đang thực hiện cập nhật, nâng cấp phần mềm thống kê ngành Tư pháp theo những nội dung mới quy định tại Thông tư 03/2019/TT-BTP để đưa phần mềm thống kê ngành Tư pháp vào sử dụng trong thời gian sớm nhất. Để đảm bảo triển khai có hiệu quả phần mềm được cập nhật, trước khi áp dụng chính thức sẽ có thực hiện thí điểm theo thông báo triển khai cụ thể của Bộ Tư pháp; đề nghị các địa phương tích cực phối hợp, thực hiện khi có văn bản triển khai.

XII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp: (1) kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bộ máy, cán bộ, biên chế đã được quy định và khắc phục tình trạng giao nhiệm vụ nhưng không giao hoặc giao không kịp thời biên chế, kinh phí để thực hiện nhiệm vụ (UBND tỉnh Quảng Bình); (2) phối hợp với Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ sớm bổ sung và phân bổ biên chế công chức cho Ngành Tư pháp tỉnh; sớm có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ làm công tác Tư pháp (UBND tỉnh Nghệ An)

Trả lời:

(1) Trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp, Bộ, ngành Tư pháp đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ giao thêm, làm sâu sắc hơn nhiều chức năng, nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh thực hiện yêu cầu chung của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ, Ngành Tư pháp đang đứng trước một mâu thuẫn lớn đó là chức năng, nhiệm vụ được tăng cường nhưng không cân đối về biên chế, tổ chức bộ máy và kinh phí. Để khắc phục tình trạng này, Bộ Tư pháp đã nhiều lần kiến nghị và trong các Hội nghị triển khai công tác tư pháp (từ năm 2013 đến nay), các cuộc làm việc, công tác tại các địa phương đều có yêu cầu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, bổ sung biên chế, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cơ quan Tư pháp, pháp chế địa phương và đã từng bước nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An để tiếp tục có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

(2) Với vai trò là bộ quản lý ngành, lĩnh vực, trong thời gian qua Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành nhiều văn bản, đề án hướng dẫn việc kiện toàn tổ chức, biên chế của các cơ quan Tư pháp địa phương, đây là các cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện kiện toàn tổ chức, biên chế các cơ quan Tư pháp địa phương theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bổ sung và phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan Tư pháp địa phương, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định về quản lý biên chế công chức (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày

29/10/2015 của Chính phủ) thì việc xây dựng, thẩm định và phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính của địa phương thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị các Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn để xem xét, cân đối từ nguồn biên chế được giao của tỉnh trên cơ sở đó có kế hoạch, giải pháp cụ thể để bố trí, kiện toàn biên chế của các cơ quan Tư pháp địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và các văn bản có liên quan.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước hiện nay, đề nghị Sở Tư pháp chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Tư pháp trên địa bàn, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ các cơ quan Tư pháp trên địa bàn tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Về chính sách đãi ngộ đối với cán bộ Ngành tư pháp, trong các năm trước đây, tại các báo cáo về thực hiện chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức Ngành Tư pháp, Bộ đã có kiến nghị, đề xuất Bộ Nội vụ và Trung ương có quy định chế độ đặc thù, chính sách riêng cho công chức Ngành Tư pháp. Tuy nhiên, hiện nay, tại điểm 2.2, khoản 2, mục II Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp cũng nêu mục tiêu từ năm 2018 đến năm 2020 đối với khu vực công *“Tiếp tục điều chỉnh tăng mức lương cơ sở theo Nghị quyết của Quốc hội, bảo đảm không thấp hơn chỉ số giá tiêu dùng và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế; **không bổ sung các loại phụ cấp mới theo nghề**; Hoàn thành việc xây dựng và ban hành chế độ tiền lương mới theo nội dung cải cách chính sách tiền lương, gắn với lộ trình cải cách hành chính, tinh giản biên chế; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết của Trung ương”*. Như vậy, thực hiện chủ trương của Đảng, trong thời gian tới, cán bộ Ngành tư pháp sẽ được hưởng chế độ, chính sách tiền lương mới theo quy định.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 07/2006/QĐ-BTP ngày 01/8/2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chuẩn Giám đốc Sở Tư pháp để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, An Giang, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Trà Vinh, Sơn La)

Trả lời:

Thực hiện Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, năm 2018 Bộ Tư pháp đã giao Vụ Tổ chức cán bộ nghiên cứu, xây dựng Thông tư quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đến nay, dự thảo Thông tư và các tài liệu có liên quan đã được xây dựng, gửi lấy kiến góp ý của các địa phương, các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đã được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở ý kiến của các địa phương và các Bộ, ngành có liên quan (theo Công văn số 3688/BTP-TCCB ngày 01/10/2018 của Bộ Tư pháp).

Trong thời gian tới, trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ (hiện nay Bộ Nội vụ chưa có ý kiến về nội dung dự thảo Thông tư nêu trên) và thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ đối với việc hướng dẫn tiêu chuẩn lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong Nghị định thay thế Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ xem xét, sớm ban hành Thông tư nêu trên.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, biên chế của cán bộ Tư pháp cấp xã căn cứ trên số dân; nghiên cứu về chức danh công chức Tư pháp cấp xã có thẩm quyền ký các văn bản trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực nhân (UBND Tp Hà Nội)

Trả lời:

Vấn đề Sở Tư pháp thành phố Hà Nội nêu, Bộ Tư pháp đã có thông tin và đã tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ để báo cáo Chính phủ có quy định chung về phân cấp, ủy quyền giữa Trung ương và địa phương.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp: (1) phối hợp với Bộ Nội vụ khẩn trương ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV trong đó khắc phục được sự mâu thuẫn giữa tăng cường chức năng, nhiệm vụ nhưng không cân đối về biên chế, tổ chức bộ máy và phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt

động hiệu lực, hiệu quả; (2) văn bản hướng dẫn về tổ chức, biên chế pháp chế trong tình hình mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác pháp chế nói chung và theo dõi thi hành pháp luật nói riêng; (3) nghiên cứu, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, biên chế của cán bộ Tư pháp cấp xã căn cứ trên số dân (UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, An Giang, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Trà Vinh, Khánh Hòa).

Trả lời:

(1) Thực hiện Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, trong năm 2018 Bộ Tư pháp đã giao Vụ Tổ chức cán bộ nghiên cứu, xây dựng Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV. Đến nay, dự thảo Thông tư và các tài liệu có liên quan đã được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở ý kiến góp ý của các địa phương và hiện nay đang được gửi lấy ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ (theo Công văn số 4811/BTP-TCCB ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp).

Đề kịp thời hướng dẫn các cơ quan tư pháp địa phương kiện toàn tổ chức, biên chế theo yêu cầu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ Sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết số 18-NQ/TW); Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ Sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW), ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương đảng, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp cũng đã có Công văn số 308-CV/BCSD ngày 16/8/2018 gửi Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị phối hợp chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương.

Do Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chưa

được Chính phủ ban hành nên Bộ Tư pháp chưa có đủ cơ sở pháp lý để ban hành Thông tư nêu trên.

Ngày 05/12/2018, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 5954/BNV-TCBC thông báo thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ ngày 03/12/2018, trong khi Chính phủ chưa ban hành hai Nghị định nêu trên, Bộ Nội vụ đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạm dừng việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

(2) Đối với vấn đề về tổ chức, biên chế pháp chế trong tình hình mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác pháp chế nói chung và theo dõi thi hành pháp luật nói riêng

Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế đã được triển khai trên thực tế nhưng còn nhiều bất cập. Sau khi Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được Chính phủ ban hành, trong đó có quy định cụ thể về tiêu chí thành lập phòng chuyên môn thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Căn cứ các nghị định trên cùng với việc xây dựng vị trí việc làm chuyên môn ngành Tư pháp, Bộ Tư pháp sẽ xem xét hướng dẫn Sở Tư pháp đề xuất địa phương bố trí vị trí việc làm pháp chế, từ đó, căn cứ khối lượng công việc để bố trí chuyên trách, kiêm nhiệm và nếu đáp ứng tiêu chí có thể thành lập phòng chuyên môn theo quy định.

(3) Đối với vấn đề chức năng, nhiệm vụ, biên chế của cán bộ Tư pháp cấp xã căn cứ trên số dân: Bộ Tư pháp đã đưa vào dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác tư pháp.

Đối với biên chế thực hiện công tác tư pháp - hộ tịch tại cấp xã sẽ thực hiện theo quy định chung của Chính phủ, Bộ Nội vụ và của địa phương. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Bộ Tư pháp sẽ tham gia vào các vấn

bản quy định về vấn đề nêu trên góp phần bảo đảm triển khai công tác tư pháp - hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cơ sở đào tạo thuộc ngành Tư pháp tiếp tục thường xuyên tổ chức chương trình đào tạo bồi dưỡng dành riêng cho công chức, viên chức ngành Tư pháp, các lớp bồi dưỡng theo nhu cầu xã hội để các địa phương thuận lợi hơn trong việc cử công chức, viên chức tham gia đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý công tác tư pháp, nhất là trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (UBND tỉnh Khánh Hòa)

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo cơ sở đào tạo thuộc ngành Tư pháp thường xuyên tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng dành riêng cho công chức, viên chức ngành Tư pháp và các lớp bồi dưỡng theo nhu cầu xã hội.

Ví dụ: (i) Để triển khai Luật Hộ tịch với mục tiêu bảo đảm 100% số công chức làm công tác hộ tịch của địa phương được bồi dưỡng và cấp chứng chỉ về nghiệp vụ hộ tịch trước ngày 01/01/2020, ngày 12/3/2018, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 742/BTP-TCCB đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, Ngành có liên quan của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch. Bộ Tư pháp giao Học viện Tư pháp và 05 Trường Trung cấp Luật: Buôn Ma Thuột, Vị Thanh, Thái Nguyên, Đồng Hới, Tây Bắc tổ chức bồi dưỡng theo Chương trình đã được ban hành và cấp chứng chỉ nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch nêu trên khi địa phương có nhu cầu; (ii) Hàng năm, Bộ Tư pháp (Học viện Tư pháp) đã tổ chức nhiều lớp đào tạo theo nhu cầu xã hội như: đào tạo nguồn đầu giá viên, trợ giúp viên pháp lý, công chứng, luật sư, thừa phát lại...

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ sở đào tạo thuộc Ngành Tư pháp tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng dành riêng cho công chức, viên chức Ngành Tư pháp và các lớp bồi dưỡng khác theo nhu cầu xã hội.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp có quy định, hướng dẫn về tổ chức bộ máy thực hiện chức năng quản lý về Lý lịch tư pháp tại các địa phương, vì: ở cấp Bộ là đơn vị sự nghiệp, nhưng ở địa phương là đơn vị hành chính quản lý nhà nước. Qua đó để xử

lý khó khăn về biên chế bộ phận làm công tác LLTP cho địa phương (Đồng chí Ngô Anh Tuấn, Giám đốc STP Tp. Hà Nội)

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội, Bộ Tư pháp thấy rằng đây là vấn đề đang được quy định trong Luật lý lịch tư pháp và các văn bản có liên quan. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật lý lịch tư pháp và các văn bản có liên quan đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp giữa Trung ương và địa phương.

XIII. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP

Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức trực tiếp quản lý, theo dõi công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, lý lịch tư pháp, giao dịch bảo đảm và bồi thường nhà nước, công tác công chứng, Luật sư, Đấu giá, trợ giúp pháp lý Công tác giám định tư pháp; Công tác tư vấn pháp luật, công tác thi hành án dân sự, hành chính tại cơ sở nhằm trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn (UBND các tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Lâm Đồng)

Trả lời:

Bộ Tư pháp (Học viện Tư pháp) luôn sẵn sàng phối hợp với các địa phương để mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức trực tiếp quản lý, theo dõi công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, lý lịch tư pháp, giao dịch bảo đảm và bồi thường nhà nước, công tác công chứng, luật sư, đấu giá, trợ giúp pháp lý công tác giám định tư pháp; công tác tư vấn pháp luật, công tác thi hành án dân sự, hành chính tại cơ sở.

Đề nghị các đơn vị liên hệ, trao đổi với Học viện Tư pháp để xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp theo nhu cầu của địa phương.

Học viện Tư pháp xin cử đầu mối liên hệ là: Đ/c Bùi Thị Hà - Phó Giám đốc, phụ trách Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Tư pháp; Số điện thoại: 0986.05.1980; Email: buihiha80@gmail.com hoặc tbdcba@moj.gov.vn

Công văn phối hợp, đề xuất nhu cầu bồi dưỡng xin gửi về: Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ, Học viện Tư pháp, số 9, phố Trần Vĩ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

XIV. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Đề nghị Bộ Tư pháp: (1) sớm ban hành hướng dẫn về các tiêu chuẩn Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ cho việc triển khai xây dựng các Cơ sở dữ liệu; kết nối chia sẻ với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác; ban hành các quy định về chuẩn Cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính, hộ tịch, công chứng,... làm cơ sở cho các địa phương chủ động trong việc thực hiện số hóa, xây dựng CSDL (UBND Tp Hà Nội); (2) Kết nối các tính năng cơ bản (tra cứu hồ sơ, khai trực tuyến, tiếp nhận hồ sơ trực tuyến...) của phần mềm dùng chung với Trang dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ (<https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>) theo yêu cầu của UBND (UBND Tp Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Trong thời gian vừa qua, Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) đã và đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tin học hóa) để từng bước đưa các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng của Bộ Tư pháp tích hợp với Hệ thống thông tin nền tảng kết nối các hệ thống thông tin từ Trung ương tới các địa phương (NGSP). Trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông công bố một số hệ thống đã được tích hợp để các địa phương nghiên cứu và phối hợp triển khai tích hợp (hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thí điểm với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và tỉnh Long An trước khi chính thức công bố).

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tích cực hỗ trợ các địa phương trong triển khai ứng dụng các phần mềm quản lý nghiệp vụ đảm bảo thực hiện thống nhất trong toàn Ngành (UBND tỉnh Quảng Bình)

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận đề nghị của UBND tỉnh Quảng Bình, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nỗ lực từng bước thực hiện việc hỗ trợ các địa phương để đảm bảo thực hiện thống nhất các phần mềm quản lý nghiệp vụ trong toàn Ngành.

3. Đề nghị xây dựng mã định danh (barcode) trên mỗi hồ sơ lý lịch tư pháp được nhập, khai trực tuyến và lưu tại Sở Tư pháp để công chức tìm kiếm, quản lý, tra cứu và xử lý hồ sơ thuận lợi, nhanh chóng, chính xác”; “Xây dựng, nâng cấp trang thông tin đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (<https://lltpructuyen.moj.gov.vn/home>) để đảm bảo các điều kiện kỹ thuật cần thiết, thuận lợi cho việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ yêu cầu cấp phiếu LLTP trực tuyến như:

Khi nhập các thông tin về địa chỉ thường trú, quá trình cư trú, cần mặc định tên phường xã, quận huyện, thành phố, ... để đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác” và “Mở rộng chức năng khai trực tuyến Tờ khai yêu cầu cấp phiếu LLTP (sau đây gọi tắt là Tờ khai trực tuyến) trên tất cả các dòng điện thoại smartphone (hiện nay chỉ khai trực tuyến trên dòng iphone)” và “Bổ sung chức năng lưu giữ lại dữ liệu của các cá nhân đã khai trực tuyến và cấp phiếu LLTP, để người dân có thể sử dụng số chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc số hộ chiếu để trích xuất thông tin tờ khai trước đó, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, không phải nhập lại thông tin” (UBND tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Bộ Tư pháp tiếp thu và sẽ nghiên cứu để bổ sung khi nâng cấp Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp và Hệ thống đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến.

4. *Đề nghị xây dựng mã định danh (QR code) trên mỗi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để người dân tra cứu tình trạng hồ sơ thông qua các phần mềm quét mã QR thông dụng”; “Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc đối với các hồ sơ đính kèm (như chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ khẩu,) để các cơ quan liên quan có thể xử lý thông tin” và “Quy định trường địa chỉ email là bắt buộc, đồng thời thiết kế mẫu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để phần mềm có thể trả lời tự động, thông qua thư điện tử (giảm áp lực cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ)” (UBND Tp Hồ Chí Minh)*

Trả lời:

Bộ Tư pháp đã triển khai các nội dung trên và hướng dẫn cụ thể bằng hình ảnh trên Hệ thống đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến cũng như các giao dịch trong quá trình giải quyết hồ sơ như việc cán bộ tiếp nhận hồ sơ có thể gửi thông báo đã tiếp nhận hồ sơ, ngày hẹn trả kết quả, hướng dẫn bổ sung hồ sơ, lý do tiếp nhận hồ sơ... đã được thực hiện bằng đường điện tử qua email và qua chức năng tra cứu hồ sơ của công dân. Bên cạnh đó, ngoài việc kiểm tra bằng QR code thì hiện tại công dân đang thực hiện việc tra cứu tình trạng hồ sơ bằng mã số hồ sơ và số chứng minh thư khi đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến thành công.

5. *Hiện nay một số địa phương đã triển khai thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch từ Sổ hộ tịch sang chưa thể cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch quốc gia do Bộ Tư pháp chưa sử dụng được. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện và đưa vào sử dụng tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu (UBND tỉnh Hải Dương)*

Trả lời:

Bộ Tư pháp tiếp thu đề nghị của UBND tỉnh Hải Dương. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hải Dương để thực hiện.

6. Trong việc sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch quốc gia, một số trường hợp cần nhập bù thông tin vào Phần mềm như: khi thực hiện thay đổi, cải chính hộ tịch; cấp bản sao trích lục từ số...; thông tin sự kiện đăng ký hộ tịch trước đây cần nhập bù không chính xác nên không thể thực hiện được do phần mềm không cho phép. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp sớm có hướng khắc phục (UBND tỉnh Hải Dương)

Trả lời:

Về vấn đề này, hiện nay trên các Phần mềm đăng ký khai sinh điện tử và Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung thuộc Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch đều đã hỗ trợ các chức năng cho phép thực hiện thay đổi, cải chính hộ tịch và cấp bản sao trích lục hộ tịch... đối với các sự kiện đăng ký hộ tịch trước đây cần nhập bù. Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương yêu cầu các đơn vị tham gia sử dụng Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ nghiên cứu chi tiết các chức năng này trong Tài liệu hướng dẫn sử dụng đã được đăng tải trên Hệ thống hoặc liên hệ trực tiếp với Bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Hệ thống để được hướng dẫn cụ thể.

7. Để việc triển khai Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử ở địa phương đạt hiệu quả cao nhất, Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh đề nghị Bộ Tư pháp cho phép kết nối với phần mềm MISA của Tỉnh đang sử dụng hoặc có văn bản gửi địa phương về việc thống nhất sử dụng phần mềm hộ tịch do Bộ Tư pháp triển khai trên cả nước, để Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện (UBND tỉnh Trà Vinh)

Trả lời:

Về vấn đề này, ngày 23/5/2019, Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) đã có Công văn số 202/CNTT-PM&CSDL về việc triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch gửi Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chỉ đạo nghiên cứu để xem xét, quyết định.

XV. LĨNH VỰC THANH TRA

Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (UBND Tp Hồ Chí Minh, Cần Thơ)

Trả lời:

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp được giao chủ trì xây dựng *Nghị định thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP*. Ngày 28/3/2019, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 08/TTr-BTP trình Chính phủ dự thảo Nghị định.

Nội dung Nghị định nêu trên có quy định về xử phạt Thừa phát lại, tuy nhiên, hiện nay, *Nghị định về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại* chưa được Chính phủ ban hành.

Do đó, ngay sau khi Chính phủ ban hành *Nghị định về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại* thì Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tham mưu để Chính phủ ban hành *Nghị định thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP*.

XVI. LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Đề nghị Bộ Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) khi chuyển tiền khen thưởng nên ghi rõ số Quyết định khen thưởng để Sở Tư pháp thuận lợi trong việc chi tiền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân (UBND Tp Hồ Chí Minh)

Trả lời:

Hàng năm, Bộ Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) khi chuyển tiền tại Kho bạc Nhà nước đã ghi rất chi tiết, cụ thể số Quyết định khen thưởng, ngày, tháng và số tiền khen thưởng đối với từng đơn vị (Sở Tư pháp và Cục Thi hành án dân sự). Tuy nhiên, khi Kho bạc Nhà nước chuyển tiền đến các đơn vị thì nội dung trên được ghi chung là tiền thưởng. Để thuận lợi cho quá trình tra cứu, từ năm 2017, Vụ Thi đua - Khen thưởng đã lập Bảng kê khai chi tiết cụ thể số tiền, số người, số Quyết định và gửi cho các Sở Tư pháp và Cục Thi hành án dân sự theo địa chỉ email liên lạc do Bộ Tư pháp cấp (*đối với Sở Tư pháp là địa chỉ: stp....@moj.gov.vn và đối với Cục Thi hành án dân sự là địa chỉ:@moj.gov.vn*). Do đó, để thuận tiện cho việc chi tiền, đề nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát Bảng kê khai đã được gửi qua email.

Trên đây là Bản tổng hợp tiếp nhận và trả lời kiến nghị của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ

đạo, điều hành của Bộ Tư pháp được tổng hợp qua Báo cáo sơ kết công tác của các Bộ, ngành, địa phương, tại Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2019, Hội nghị giao ban công tác tư pháp khu vực phía Nam. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc nghiên cứu và tiếp thu những giải đáp của Bộ Tư pháp tại Bản tổng hợp tiếp nhận và trả lời kiến nghị để thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ công tác tư pháp trong thời gian tới./.